

UBND TỈNH THANH HÓA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Thạc sỹ

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Định hướng: ứng dụng

Mã số chuyên ngành: 8340201

Thanh Hóa, năm 2024

Số: 122/QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ  
Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Biên bản họp ngày 12/01/2024 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng;

Căn cứ kết quả lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hồng Đức ngày 15/01/2024 về việc đồng ý ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo và Bản mô tả Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, mã số: 8340201 (có Chương trình đào tạo, Bản mô tả Chương trình đào tạo kèm theo).

**Điều 2.** Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn quản lý chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý và đào tạo theo đúng Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Trường phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng KH&ĐT Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.QLĐT SDH.

**HIỆU TRƯỞNG**  
**Bùi Văn Dũng**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Kèm theo Quyết định số **187/QĐ-ĐHHD**, ngày **15** tháng **01** năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

**I. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Tài chính - Ngân hàng
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Finance and Banking
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Mã chuyên ngành đào tạo:	<b>8 340201</b>
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Khoa: Kinh tế - Quản trị kinh doanh Bộ môn: Tài chính - Ngân hàng
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Hình thức tuyển sinh:	Xét tuyển/thi tuyển/kết hợp xét tuyển và thi tuyển
Thời gian đào tạo:	18-24 tháng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	60 tín chỉ
Điều kiện tốt nghiệp:	Hoàn thành các học phần theo quy định, đạt chuẩn đầu ra của CTĐT và bảo vệ thành công đề án
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng/The Degree of Master in Finance - Banking
Vị trí làm việc:	Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT thạc sĩ TCNH có thể công tác ở các vị trí như chuyên viên quản lý kinh tế, tài chính - kế toán ở các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, đơn vị hành chính sự nghiệp; chuyên viên quản lý ở các ngân hàng thương mại, các định chế tài chính phi ngân hàng như công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán; nghiên cứu viên hoặc giảng viên ở các trường cao đẳng, đại học hoặc các viện, học viện nghiên cứu.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội; Học viện Ngân hàng; Trường ĐH Ngoại thương; Trường ĐH Tôn Đức Thắng; Trường Đại học Mở TP HCM; các trường đại học nước ngoài như ĐH Greenwich (Vương quốc Anh); ĐH Middlesex (Vương quốc Anh) và ĐH Monash university (Úc)



## II. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

### 2.1. Mục tiêu

#### 2.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng theo định hướng ứng dụng giúp người học có: phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm; kiến thức liên ngành; kiến thức lý thuyết và thực tiễn về hoạt động của các ngân hàng, hoạt động tài chính trong các doanh nghiệp, tổ chức; các kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực tài chính - ngân hàng; các kỹ năng phù hợp để quản trị, hoạch định chính sách liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng; năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm để thực hiện, quản lý và cải tiến các hoạt động chuyên môn, thích ứng với môi trường làm việc.

#### 2.1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 2.1.2.1. Kiến thức

**PO1:** Có kiến thức tổng hợp về lý luận chính trị, tự nhiên và xã hội; Nắm vững các kiến thức liên ngành bao gồm: quản trị kinh doanh, kinh tế, kế toán... vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế.

**PO2:** Có kiến thức chuyên môn chuyên sâu về lĩnh vực tài chính - ngân hàng để phân tích, luận giải, giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động quản trị tài chính và quản trị ngân hàng.

##### 2.1.2.2. Kỹ năng

**PO3:** Vận dụng thành thạo các kiến thức đã học để phân tích, giải quyết, khám phá các vấn đề mới liên quan đến lĩnh vực tài chính và ngân hàng, đáp ứng tốt nhu cầu công việc.

**PO4:** Đạt chuẩn tiếng Anh tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc gia Việt Nam đáp ứng các yêu cầu công việc trong thực tiễn.

##### 2.1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

**PO5:** Có năng lực làm việc độc lập; có khả năng định hướng và tầm nhìn chiến lược về lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có năng lực học tập nghiên cứu ở bậc cao hơn để phục vụ nhu cầu công việc.

### 2.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

PLO <sub>m</sub>	Nội dung PLO <sub>m</sub>	PI <sub>m</sub>	Nội dung PI <sub>m</sub>
I	<b>Kiến thức</b>		
PLO1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng về lý luận, phương pháp luận, thế giới quan; kiến thức tổng hợp liên ngành về kinh tế, quản trị, tài chính, kế toán... để thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế	PI1.1	Nắm vững các kiến thức về triết học, các nguyên lý và học thuyết cơ bản thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng và áp dụng trong lĩnh vực của nền kinh tế
		PI1.2	Nắm vững kiến thức chung về quản trị, quản lý kinh tế
		PI1.3	Vận dụng phương pháp luận trong nghiên cứu; các kiến thức liên ngành có liên quan đến lĩnh vực chuyên để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn.



PLO2	Vận dụng kiến thức thuộc lĩnh vực tài chính và ngân hàng để phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh, thực hiện hoạt động quản trị tài chính, quản trị ngân hàng tại các ngân hàng, các tổ chức tài chính và các tổ chức xã hội khác.	PI2.1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ sở về lĩnh vực tài chính – ngân hàng như: tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính, tài chính doanh nghiệp hiện đại, chính sách thuế, hoạch định tài chính cá nhân...
		PI2.2	Hiểu, phân tích và luận giải được kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về ngân hàng, tài chính như tài trợ, đầu tư, định giá tài sản, quản trị ngân hàng, quản trị rủi ro trong các định chế tài chính...
		PI2.3	Vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên ngành trong bối cảnh kinh tế vĩ mô của nền kinh tế, để từ đó có thể ra các quyết định đúng đắn trong ngắn hạn, dài hạn hoặc đưa ra các quyết định tư vấn phù hợp cho các doanh nghiệp, ngân hàng, cơ quan quản lý nhà nước.
<b>II</b>	<b>Kĩ năng</b>		
PLO3	Phân tích, tổng hợp và đánh giá được sự thay đổi của chính sách kinh tế, tài chính tiền tệ trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	PI3.1	Kỹ năng giải quyết vấn đề: Giải quyết các tình huống thực tiễn và mô phỏng trong hoạt động quản trị tài chính của cá nhân và tổ chức.
		PI3.2	Phân tích, đánh giá được các chính sách kinh tế, chính sách tiền tệ để đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị.
PLO4	Vận dụng sáng tạo kiến thức chuyên ngành về các lĩnh vực ngân hàng thương mại, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính cá nhân, tài chính vi mô... để phân tích, đánh giá, giải quyết tốt các công việc đảm nhận.	PI4.1	Kỹ năng phân tích: Phân tích và đánh giá thông tin và dữ liệu tài chính, sử dụng thành thạo các công cụ tài chính hiện đại để giải quyết các vấn đề tài chính ngân hàng.
		PI4.2	Có tư duy phản biện chính sách; dẫn dắt hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; xây dựng được mục tiêu phát triển bản thân và định hướng phát triển đơn vị.
PLO5	Có kỹ năng tổ chức, điều hành, đánh giá hoạt động tài chính, ngân hàng của các ngân hàng,	PI5.1	Kỹ năng nghiên cứu tìm hiểu, phát triển, ứng dụng các vấn đề mới phát sinh trong quản trị các doanh



	các tổ chức tài chính, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội khác.		nghiệp, định chế tài chính, cơ quan quản lý nhà nước và cá nhân, hộ gia đình.
		PI5.2	Kỹ năng lãnh đạo: Có kỹ năng dẫn dắt, phụ trách và truyền đạt cho nhân viên và những người mới làm việc trong lĩnh vực.
		PI5.3	Kỹ năng giao tiếp: Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng, thuyết trình và chuyên giao kiến thức bằng ngôn ngữ nói và viết, có khả năng đào tạo, kèm cặp cấp dưới.
PLO6	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam	PI6.1	Sử dụng thành thạo được tiếng Anh trong lĩnh vực nghề nghiệp tài chính, ngân hàng đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam.
<b>III</b>	<b>Tự chủ và trách nhiệm</b>		
PLO7	Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; năng lực quản lý, đánh giá và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng một cách khoa học và sáng tạo; chủ động, vận dụng kiến thức mới; thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng.	PI7.1	Có khả năng nghiên cứu đưa ra những quyết định quan trọng trong lĩnh vực quản trị tài chính.
		PI7.2	Có khả năng thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác
		PI7.3	Có khả năng quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.
		PI7.4	Tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao; Có lối sống tích cực và có tinh thần hướng về cộng đồng, có trách nhiệm cao với tổ chức và đồng nghiệp.

### III. Nội dung đào tạo và cấu trúc của chương trình đào tạo

#### 1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 07 TC	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
2	Khối kiến thức cơ sở: 15 TC	Bắt buộc	03
		Tự chọn	12
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 23 TC	Bắt buộc	15
		Tự chọn	08
4	Chuyên đề thực tập: 06 TC	Bắt buộc	06
5	Đề án tốt nghiệp: 09 TC	Bắt buộc	09
<b>Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60</b>			



## 2. Nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn phụ trách HP
				Lý thuyết	BT TL	Thực hành	Tự học			
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>7</b>							
1	8TA001	Triết học	4	36	48	-	180	1	Lý luận Mác-Lênin	
2	8THXH1	Tiếng Anh	3	27	18	18	135	1	NN-Văn hóa và PP giảng dạy tiếng Anh	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở</b>		<b>15</b>							
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>3</b>							
3	3TC101	Phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong kinh doanh và quản lý	3	27	28	8	135	2	QTKD	
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>12</b>							
4	<b>Chọn 1 trong 2 học phần</b>		<b>3</b>							
	3TK102	Quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập	3	27	28	8		1	Kinh tế	
	3KT131	Kinh tế học quản lý	3	27	28	8	135	1	Kinh tế	
5	<b>Chọn 1 trong 2 học phần</b>		<b>3</b>							
	3QT205	Hành vi tổ chức	3	27	26	10	135	1	QTKD	
	3QT203	Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa	3	27	26	10	135	1	QTKD	
6	<b>Chọn 1 trong 2 học phần</b>		<b>3</b>							
	3KQ103	Phân tích kinh doanh	3	27	24	12	135	2	KTQT	
	3KQ102	Kế toán cho nhà quản lý	3	27	27	9	135	2	KTQT	

7	<b>Chọn 1 trong 3 học phần</b>		<b>3</b>							
	3KC101	Kiểm soát quản lý	3	27	27	9	135	2		KTTC
	3KC102	Kiểm soát nội bộ	3	27	27	9	135	2		KTTC
	3KC103	Hệ thống thông tin quản lý	3	27	27	9	135	2		KTTC
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>		<b>23</b>							
	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>15</b>							
8	8TC201	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính	3	27	28	8	135	2		TCNH
9	3QK238	Quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại	3	27	28	8	135	3		TCNH
10	3TC201	Quản lý tài chính công	3	27	28	8		2		TCNH
11	8TC202	Quản trị NHTM	3	27	28	8	135	3		TCNH
12	8TC203	Phân tích và dự báo tài chính	3	27	28	8	135	3		TCNH
	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>8</b>							
13	<b>Chọn 1 trong 2 học phần</b>		<b>3</b>							
	3QT204	Lãnh đạo và quản lý	3	27	28	8	135	1		QTKD
	3QT202	Quản trị chiến lược trong các tổ chức	3	27	26	10	135	1		QTKD
14	<b>Chọn 1 trong 2 học phần</b>		<b>3</b>							
	8TC204	Quản lý tài chính cá nhân	3	27	36	-	135	2		TCNH
	8TC205	Quản trị rủi ro tài chính	3	27	28	8	135	2		TCNH
15	<b>Chọn 1 trong 2 học phần</b>		<b>2</b>							



	8TC206	Công nghệ tài chính	2	18	24		90	3		TCNH
	8TC207	Tài chính vi mô	2	18	24		90	3		TCNH
IV	8TCTT1	Chuyên đề thực tập	6					3		
V	8TCDA1	Đề án tốt nghiệp	9					4		TCNH
	<b>TỔNG TÍN CHỈ TÍCH LŨY</b>		<b>60</b>							

#### IV. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu

##### 4.1. Đội ngũ giảng viên

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Phó giáo sư	3	2	5
Tiến sĩ	3	27	30
<b>Tổng cộng</b>	<b>6</b>	<b>30</b>	<b>35</b>

##### 4.2. Phòng học

Nhà trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 253 người học.

##### 4.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan

Phòng học đa năng được trang bị các thiết bị hỗ trợ dạy học tích cực: máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác;

Phòng thực hành cho sinh viên chuyên ngành Kinh tế - QTKD: 01 phòng thực hành kế toán ảo; 01 phòng ngân hàng ảo, 02 phòng học kế toán máy, 01 mô hình siêu thị đủ đáp ứng yêu cầu rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho học viên theo học chuyên ngành TCNH. Thư viện và thư viện điện tử của Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...cho các môn học chính.

##### 4.4. Thư viện

Thư viện nhà trường có diện tích 5.166m<sup>2</sup>, được tổ chức theo hình thức kho mở với 04 phòng đọc, 500 chỗ ngồi. Cơ sở vật chất hiện đại với hệ thống 130 máy tính, được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ bạn đọc tra cứu, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu số đã được cấp quyền truy cập trên mạng, 6 phòng học nhóm, 2 phòng hội thảo, 1 phòng quản trị mạng, 4 phòng làm việc nghiệp vụ, 1 kho lưu. Các phòng hội thảo, phòng đọc, phòng học nhóm được trang bị hệ thống camera, máy chiếu, điều hoà phục vụ người sử dụng thư viện. Thư viện đang lưu giữ hơn 1 vạn đầu sách, tạp chí; trong đó có nhiều giáo trình, sách, tạp chí phục vụ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

Nhà trường có Thư viện truyền thống, thư viện điện tử đáp ứng yêu cầu theo quy định. Web của Trung tâm Thông tin thư viện nhà trường <http://tttv.hdu.edu.vn/>

Ngoài ra Nhà trường còn hợp tác với các nguồn dữ liệu số trong nước và quốc tế có nguồn tài liệu số phục vụ quá trình đào tạo, CBGV, người học có thể truy cập tài



liệu từ các nguồn:

**\* Thư viện điện tử nước ngoài: 5 nguồn**

1. <https://www.sciencedirect.com/>
2. <https://journals.sagepub.com/>
3. <https://www.emerald.com/insight/>
4. <https://portal.igpublish.com/iglibrary/>
5. <https://link.springer.com/>

**\* Thư viện số trong nước**

1. Thư viện số Trường Đại học Hồng Đức: <http://thuvienso.hdu.edu.vn/>
2. Trung tâm Tri thức số: <http://digitalknowledgehub.nala.edu.vn/>
3. Trung tâm số Đại học Thái Nguyên: <http://tailieudientu.lrc.tnu.edu.vn/>
4. Thư viện số Trường Đại học Hải Phòng: <http://lib.dhhp.edu.vn/>
5. Trung tâm Thư viện và Tri thức số Đại học quốc gia Hà Nội:  
<https://repository.vnu.edu.vn/>

**4.5. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan:**

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	Các NHTM, các công ty tài chính, các tổ chức tài chính vi mô, các quỹ tín dụng nhân dân.
2	Các công ty chứng khoán, bảo hiểm, các công ty thẩm định giá
3	Các doanh nghiệp có sử dụng nhân sự ngành TCNH
4	Các đơn vị hành chính sự nghiệp: Cục thuế, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước, Phòng tài chính - kế hoạch các huyện.

**V. Đề cương học phần**

**M1. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN (PRINCIPLES OF PHILOSOPHY)**

- Số tín chỉ: **4TC (LT36, TH0, TL48)**
- Mã học phần: **8THXH1**
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác – Lênin
- Điều kiện tiên quyết: Không

**1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Học phần Triết học (Dành cho cao học khối KHXH&NV) gồm 8 chương. Chương 1: Giới thiệu tổng quan về triết học, bao gồm nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng và sự hình thành phát triển triết học trong lịch sử. Chương 2: Khái quát quan điểm về bản thể luận trong lịch sử triết học và khẳng định tính khoa học trong quan niệm về bản thể luận của triết học Mác – Lênin. Các chương 3, 4, 5, 6, 7, 8 trình bày một cách có hệ thống lý luận triết học Mác – Lênin và sau quan điểm, mỗi nội dung lý luận, đều rút ra ý nghĩa phương pháp luận, đều chỉ ra sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận ấy trong quá trình đổi mới ở Việt Nam

*Năng lực đạt được:* Hình thành cho người học được tư duy lôgic, thể giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học, cách mạng khi xem xét và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thực tiễn. Nắm vững cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Biết vận dụng được lý luận triết học Mác-Lênin để đánh giá các đúng các hiện tượng xã hội hiện đại và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của bản thân.

**2. Mục tiêu học phần**

**2.1. Mục tiêu về kiến thức**

CO1: Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa



học xã hội – nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

CO2: Xác lập vững chắc thế giới quan, phương pháp luận khoa học biện chứng cho người học làm cơ sở để nhận thức và giải quyết tốt các vấn đề của bản thân trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn.

## **2.2. Mục tiêu về kỹ năng**

CO3: Củng cố và tiếp tục rèn luyện tư duy logic biện chứng cho học viên.

CO4: Biết vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

CO5: Vận dụng được kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành, vào hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của bản thân.

## **2.3. Mục tiêu về thái độ**

- Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng;

- Nhìn nhận một cách khách quan về vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

## **3. Nội dung chi tiết học phần**

### **Chương 1: Khái luận về triết học (LT5, TH0, TL4)**

#### **1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học**

a) Triết học và đối tượng của triết học.

b) Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học.

#### **2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử**

a. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử.

b) Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.

c) Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.

d) Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

#### **3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội**

a) Triết học Mác - Lênin.

b) Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.

#### **4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam**

### **Chương 2: Bản thể luận (LT5, TH0, TL4)**

#### **1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây**

a) Khái niệm bản thể luận.

b) Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó.

c) Một số nội dung cơ bản của bản thể luận triết học phương Tây trong lịch sử đương đại và giá trị của nó.

#### **2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin**

a) Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác - Lênin.

b) Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất

c) Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức.

d) Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động thực tiễn.

#### **3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay**

a) Mối quan hệ khách quan và chủ quan.

b) Nguyên tắc kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong nhận thức và thực tiễn.



c) Vấn đề kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

### **Chương 3: Phép biện chứng(LT8, TH0, TL6)**

**1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử**

**2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật**

a) Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật.

b) Các quy luật cơ bản và các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật.

**3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn**

a) Những nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật

b) Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.

### **Chương 4: Nhận thức luận (LT4, TH0, TL4)**

**1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức**

**2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng**

a) Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

b) Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức.

c) Biện chứng của quá trình nhận thức

d) Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý

**3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội**

**4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay**

a) Nội dung của nguyên tắc.

b) Vận dụng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

### **Chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội (LT8, TH0, TL6)**

**1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại**

**2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội**

a) Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội

b) Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

c) Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

d) Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.

**3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay**

a) Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam

b) Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

### **Chương 6: Triết học chính trị (LT4, TH0, TL4)**

**1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học**

a) Quan niệm của triết học ngoài mácxít về chính trị

b) Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị.

c) Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị.

**2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội**

a) Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp

b) Dân tộc và vấn đề quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại

c) Nhà nước - Tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị

**3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay**

a) Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay

b) Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay

c) Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay



d) Ý nghĩa của đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

### **Chương 7: Ý thức xã hội (LT4, TH0, TL4)**

#### **1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội**

- a) Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội
- b) Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội

#### **2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội**

- a) Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội
- b) Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội

#### **3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay**

- a) Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay
- b) Một số vấn đề cơ bản của việc XD nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.

### **Chương 8: Triết học về con người(LT5, TH0, TL4)**

#### **1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử**

- a) Triết học phương Đông
- b) Triết học phương Tây trước Mác
- c) Quan niệm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài mác-xít đương đại

#### **2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người**

- a) Khái niệm con người
- b) Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người
- c) Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người

#### **3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh**

#### **4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay**

- a) Quan niệm triết học về nhân tố con người
- b) Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay

**4. Yêu cầu của môn học:** Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 10 học viên/ nhóm): 10%.

- Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%.

- Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 120 phút): 60%.

Thang điểm: 10

#### **9. Tài liệu tham khảo**

##### **9.1. Học liệu bắt buộc**

1. Bộ giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học*(2016) (dành cho Cao học khối Khoa học xã hội và nhân văn) NXB Đại học sư phạm Hà Nội

##### **9.2. Học liệu tham khảo**

2. Nguyễn Hữu Vui(1997), *Lịch sử triết học*, NXB CTQG, Hà Nội



## M2. TIẾNG ANH (ENGLISH)

- Số tín chỉ: 3 (LT27, TH18, TL18)

- Mã học phần: 8TA001

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Ngôn ngữ - Văn hóa và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

- Điều kiện tiên quyết: đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh hệ Đại học (bậc B1 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam)

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp như kiến thức về thì, so sánh, câu điều kiện, động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ; kiến thức về từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ đề quen thuộc cũng như các lĩnh vực chuyên môn; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp; các kỹ năng làm bài thi Tiếng Anh theo định hướng B2.

*Năng lực đạt được:* Học xong học phần này, học viên có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

### 2. Mục tiêu học phần

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

CO1: Người học có khả năng hiểu và sử dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng ở bậc 4 (B2) theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam, cụ thể:

CO2: Về Ngữ pháp: Người học biết sử dụng linh hoạt và thuần thục các thì trong tiếng Anh; nắm vững các hiện tượng ngữ pháp như so sánh, câu điều kiện, động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ để sử dụng linh hoạt trong ngôn ngữ giao tiếp của mình.

CO3: Về Từ vựng: Nắm chắc và sử dụng có hiệu quả hệ thống từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc và lĩnh vực chuyên môn. Có đủ vốn từ để diễn đạt bản thân, miêu tả những tình huống không thể đoán trước, giải thích các điểm chính của vấn đề với độ chính xác hợp lý và thể hiện suy nghĩ về những chủ đề mang tính trừu tượng.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

CO4: Người học có thể nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở trình độ bậc 4 (B2) theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam, cụ thể:

CO5: Kỹ năng nghe: Có thể nghe hiểu các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc khi được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn. Có thể hiểu ý chính của các bài nói phức tạp cả về nội dung và ngôn ngữ. Có thể theo dõi được các bài nói dài cũng như các lập luận phức tạp về các chủ đề quen thuộc.

CO6: Kỹ năng nói: Có thể giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác. Có thể trình bày về ý nghĩa của một sự kiện cá nhân hoặc trải nghiệm, giải thích và bảo vệ quan điểm một cách rõ ràng, chặt chẽ. Phát âm rõ ràng với ngữ điệu tương đối tự nhiên

CO7: Kỹ năng đọc: Có thể đọc một cách tương đối độc lập, có khả năng điều chỉnh cách đọc và tốc độ đọc theo từng dạng văn bản và mục đích đọc cũng như sử dụng các nguồn tham khảo một cách phù hợp một cách có chọn lọc.

CO8: Kỹ năng viết: Có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề khác nhau, đưa ra những thông tin lập luận từ nhiều nguồn khác nhau. Thể hiện được mối liên hệ giữa các ý trong một bài viết có liên kết chặt chẽ theo cách hành văn cho thể loại có liên quan.



### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Học viên có sự yêu thích đối với học phần, có thái độ nghiêm túc trong quá trình học tập, tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chủ động và sáng tạo. Học viên ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### **Unit 1: Bands and Fands (2LT, 1TH, 1TL)**

- 1.1 Grammar: Present simple vs present continuous
- 1.2. Practise skills

#### **Unit 2: Relative values (2LT, 1,5TH, 1,5TL)**

- 2.1. vocabulary: People and society
- 2.2. -ing form or infinitive
- 2.3. Practise skills

#### **Unit 3: Things that matter (2LT, 1TH, 1TL)**

- 3.1. Grammar: Present perfect and past simple
- 3.2. Practise skills

#### **Unit 4: Battling nature (2LT, 1TH, 1TL)**

- 4.1. Grammar: Articles
- 4.2. Practise skills

#### **Unit 5: Eat your heart out! (2LT, 1,5TH, 1,5TL)**

- 5.1. Grammar: Countable and uncountable nouns
- 5.2. Vocabulary: Food and drink
- 5.3. Practise skills

#### **Unit 6: On camera (2LT, 1,5TH, 1,5TL)**

- 6.1. Future time
- 6.2. Vocabulary: Entertainment
- 6.3. Practise skills

#### **Unit 7: A home from home (1LT, 2TH, 2TL)**

- 7.1. Modal verbs
- 7.2. Practise skills

#### **Unit 8: Moving on! (2LT, 1,5TH, 1,5TL)**

- 8.1. Vocabulary: Work and Business
- 8.2. Reported speech
- 8.3. Practise skills

#### **Unit 9: Lucky break (2LT, 1,5TH, 1,5TL)**

- 9.1. Conditionals
- 9.2. Vocabulary: Hobbies, sport and games
- 9.3. Practise skills

#### **Unit 10: Virtual friend (2LT, 1TH, 1TL)**

- 10.1. Conditionals (special cases)
- 10.2. Practise skills

#### **Unit 11: Living on the edge (2LT, 1TH, 1TL)**

- 11.1. Conditionals (mixed)
- 11.2. Practise skills

#### **Unit 12: Crime science (2LT, 1TH, 1TL)**

- 12.1. Modal verbs (obligation, prohibition, and necessity)
- 12.2. Practise skills

#### **Unit 13: Who are you again (2LT, 1TH, 1TL)**

- 13.1. Modal verbs (ability)
- 13.2. Practise skills

#### **Unit 14: Say what you mean (2LT, 1,5TH, 1,5TL)**





14.1. Vocabulary: Science and Technology

14.2. Revision

**4. Yêu cầu của môn học:** Liệt kê các điều kiện để hoàn thành được nội dung học phần

- Học viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như: làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến xây dựng bài....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của học phần.
- Tham gia thi, kiểm tra, đánh giá đầy đủ.
- Tự học ở nhà có sự hướng dẫn của giáo viên

**5. Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí 1 buổi ôn tập và giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%
- Điểm đánh giá chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo: Trọng số 20%
- Điểm thi kết thúc: Trọng số 50%

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham dạy học**

**9.1. Giáo trình chính**

1. Jan Bell and Amanda Thomas (2005), *Gold First*, Pearsons

**9.2. Tài liệu tham khảo**

2. Malcolm Man and Steve Taylor Knowles (2006), *Destination B2: Grammar and Vocabulary*, Macmillan Education

### **M3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TRONG KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ/SCIENTIFIC RESEARCH METHODS IN BUSINESS AND MANAGEMENT**

- Số tín chỉ: 3 (LT27, TH8, TL28)
- Mã học phần: 3KT101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Không

**1. Mô tả học phần:**

Học phần bao gồm những lý luận chung về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, thảo luận và thực hành các bước trong quy trình nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, từ đó giúp học viên có được kiến thức, kỹ năng và ứng dụng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (dành cho cấp học tương ứng) và thực hiện làm báo cáo thực tập và đề án tốt nghiệp theo chuyên ngành học tập. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu cho người học những công cụ thống kê và các phần mềm sử dụng trong phân tích dữ liệu kinh tế. Cuối cùng, học phần giới thiệu quy định hiện hành về thủ tục đăng ký, làm báo cáo thực tập và đề án tốt nghiệp tại Trường Đại học Hồng Đức.

**2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Học viên hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học và quy trình nghiên cứu khoa học của một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

- CO2: Học viên có được kỹ năng phát hiện và xác định vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành; thu thập dữ liệu nghiên cứu; xử lý và phân tích dữ liệu thông qua phần



mềm thống kê SPSS; và kỹ năng trình bày, thuyết trình được một báo cáo nghiên cứu khoa học nói chung và báo cáo thực tập tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp nói riêng.

- CO3: Học viên có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các bước trong quá trình nghiên cứu khoa học.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm được những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu và quy trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu trong các tình huống chuyên ngành cụ thể của học viên.

- CLO2: Có khả năng vận dụng thành thạo các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học để phân tích, đánh giá và ra quyết định các vấn đề liên quan đến quá trình điều hành, tổ chức, quản lý doanh nghiệp và đơn vị công tác.

- CLO3: Có kỹ năng về phát hiện vấn đề nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê, kỹ năng thu thập và phân tích dữ liệu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý vào phân tích, đánh giá, giải quyết các nhiệm vụ thuộc quản trị điều hành, hoạt động kinh doanh, quản lý kinh tế và tài chính trong đơn vị.

- CLO4: Có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

### 4. Nội dung học phần

#### **Chương 1: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý (LT: 3, TH: 0, TL-BT: 3, Tự học: 15)**

##### **1. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

- 1.1. Khái niệm về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học
- 1.2. Các loại hình nghiên cứu khoa học

##### **2. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý**

##### **3. Nghiên cứu, xây dựng và kiểm định lý thuyết khoa học**

- 3.1. Quy trình nghiên cứu xây dựng lý thuyết khoa học
- 3.2. Quy trình nghiên cứu kiểm định lý thuyết khoa học
- 3.3. Dữ liệu để xây dựng và kiểm định lý thuyết khoa học

Thảo luận: Xây dựng quy trình nghiên cứu khoa học cho một vấn đề nghiên cứu cụ thể.

#### **Chương 2: Xác định vấn đề nghiên cứu (LT: 3, TH: 0, TL-BT: 2, Tự học: 15)**

##### **1. Vấn đề nghiên cứu**

##### **2. Ý tưởng, vấn đề, mục tiêu, câu hỏi và giả thiết nghiên cứu**

##### **3. Xác định vấn đề nghiên cứu**

##### **4. Xác định đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **5. Đặt tên đề tài nghiên cứu**

Thảo luận: Xác định mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, giả thiết nghiên cứu và xác định tên đề tài nghiên cứu cho một vấn đề nghiên cứu cụ thể.

#### **Chương 3: Tổng quan tài liệu nghiên cứu và xây dựng khung lý thuyết (LT: 3, TH: 0, TL – BT: 3, Tự học: 15)**

##### **1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

- 1.1. Vai trò của tổng quan
- 1.2. Nội dung tổng quan
- 1.3. Các yêu cầu đối với phần tổng quan nghiên cứu
- 1.4. Một số kỹ năng khi tiến hành tổng quan

##### **2. Xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu**

- 2.1. Khái niệm, vai trò khung lý thuyết (mô hình) nghiên cứu
- 2.2. Xây dựng khung lý thuyết

#### **Chương 4: Phương pháp nghiên cứu (LT: 5, TH: 0, TL-BT:4, Tự học: 20)**





## 1. Phương pháp nghiên cứu định tính

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Mục tiêu và trường hợp áp dụng
- 1.3. Đặc điểm của nghiên cứu định tính
- 1.4. Ví dụ về nghiên cứu định tính

## 2. Phương pháp nghiên cứu định lượng

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Mục tiêu và trường hợp áp dụng
- 2.3. Đặc điểm của nghiên cứu định lượng
- 2.4. Các khái niệm cơ bản trong mô hình định lượng
- 2.5. Ví dụ về nghiên cứu định lượng

## 3. So sánh giữa nghiên cứu định tính và định lượng

## 4. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp

**Chương 5: Thu thập dữ liệu nghiên cứu (LT: 4, TH: 0, TL-BT: 6, Tự học: 20)**

### 1. Phân loại dữ liệu nghiên cứu

- 2.1. Dữ liệu thứ cấp
- 2.2. Dữ liệu sơ cấp

### 2. Xác định nguồn dữ liệu

### 3. Dữ liệu và phương pháp thu thập dữ liệu định tính phổ biến

### 4. Đo lường và thu thập dữ liệu định lượng

**Chương 6: Phân tích dữ liệu nghiên cứu (LT: 6, TH: 8, TL-BT: 6, Tự học: 30)**

### 1. Phân tích dữ liệu định tính

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Đặc điểm và nguyên tắc chung trong phân tích dữ liệu định tính
- 1.3. Mã hoá dữ liệu
- 1.4. Phương pháp KJ

### 2. Phân tích dữ liệu định lượng

### 3. Một số mô hình dự báo trong kinh doanh và quản lý

Thảo luận và thực hành: Thảo luận nhóm tổng hợp dữ liệu nghiên cứu, sau đó tiến hành thực hành nhập dữ liệu, chạy kết quả nghiên cứu và phân tích kết quả nghiên cứu bằng phần mềm SPSS.

**Chương 7: Trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý (LT: 3, TH: 0, TL: 4, Tự học: 20)**

### 1. Các nguyên tắc chung khi viết một báo cáo nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý

### 2. Nội dung báo cáo nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý

### 3. Quy định về làm đề án tốt nghiệp tại Trường Đại học Hồng Đức

### 4. Trình bày báo cáo nghiên cứu trước Hội đồng

#### 4.1. Chuẩn bị (bài trình bày, thiết kế slides)

#### 4.2. Trình bày và bảo vệ trước Hội đồng

Thảo luận: 1. Thảo luận và tiến hành viết đề cương nghiên cứu

2. Thiết kế và trình diễn slides đề cương nghiên cứu

### 5. Hình thức dạy – học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x	x	
Vấn đáp	x	x	x	X
Tự học	x	x	x	X
Thảo luận	x	x	x	X
Thực hành	x	x	x	x



Hướng dẫn	x	x	x	
Hoạt động nhóm	x	X	x	x

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (30%)</b>				
1	Viết cá nhân	Rubric 1 bài thi viết	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2 CLO3 CLO4	
<b>Đánh giá chuyên cần (20%)</b>				
	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO4	20%
<b>Thi cuối kì (50%)</b>				
	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3,4	50%
<b>Thang điểm</b>				<b>10</b>

### 7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Tham gia đầy đủ tích cực các hoạt động trên lớp; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, bài tập cá nhân đảm bảo chất lượng; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

### 8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

### 9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### 10. Tài liệu dạy học

#### ***Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)***

- Nguyễn Văn Thắng (2022), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh (Tái bản lần thứ 4)*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

#### ***Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)***

- Nguyễn Đình Thọ (2014), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản tài chính.

- Trần Tiến Khai (2014), *Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Kiến thức cơ bản*, ĐH Kinh tế TP.HCM, NXB Lao động xã hội



## **M4A. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP (STATE ECONOMIC MANAGEMENT IN THE PERIOD OF INTEGRATION)**

- Số tín chỉ: 3 (TL27, TH8, TL28)
- Mã học phần: 3KT132
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về Nhà nước và quản lý nhà nước về kinh tế; Quy luật và nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế; Các công cụ và phương pháp để nhà nước thực hiện quản lý nền kinh tế quốc dân; Mục tiêu và chức năng quản lý kinh tế của nhà nước; Thông tin và quá trình đưa ra quyết định quản lý kinh tế; Bộ máy và cán bộ quản lý Nhà nước về KT trong thời kỳ hội nhập

*Năng lực cần đạt được:* Người học có thể vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng để đánh giá, nhận biết và phân tích sơ bộ hiệu quả của các chính sách quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước. Có kỹ năng phân tích và vận dụng những kiến thức được học vào thực tiễn công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là khả năng hoạch định, phân tích và tổ chức thực thi các chiến lược, qui hoạch, kế hoạch, các công cụ, chính sách kinh tế trên phạm vi nền kinh tế, hoặc của địa phương, cũng như trong một số ngành, lĩnh vực kinh tế cụ thể ở nước ta hiện nay.

### **2. Mục tiêu học phần**

#### **2.1 Mục tiêu về kiến thức**

CO1: Hiểu lý thuyết về các công cụ, chức năng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

CO2: Phân tích được sơ bộ hiệu quả các chính sách quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta

#### **2.2 Mục tiêu về kỹ năng**

CO3: Thành thạo các kỹ năng trong ra quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế

CO4: Biết sử dụng được 1 số công cụ trong quản lý nhà nước về kinh tế trong đơn vị ngành, địa phương.

CO5: Thành thạo trong xử lý được các thông tin trong ra quyết định quản lý nhà nước về kinh tế

CO6: Đánh giá đúng được về phẩm chất, tiêu chuẩn cần đạt được của cán bộ quản lý nhà nước đáp ứng thời kỳ hội nhập

#### **2.3. Mục tiêu về thái độ**

Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

### **3. Nội dung chi tiết học phần**

#### **Chuyên đề 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (LT4, TH0, TL4)**

##### **1.1. Sự cần thiết khách quan của Quản lý Nhà nước về kinh tế**

*1.1.1. Nhà nước*

*1.1.2. Quản lý nhà nước về kinh tế*

*1.1.3. Quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay*

##### **1.2. Đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu môn học**

*1.2.1. Đối tượng môn học*

*1.2.2. Nội dung nghiên cứu môn học*

*1.2.3. Phương pháp nghiên cứu môn học*

##### **1.3. Quản lý Nhà nước về kinh tế xét trên quan điểm hệ thống**



1.3.1. Tổng quan về lý thuyết hệ thống trong quản lý về kinh tế

1.3.2. Ứng dụng quan điểm hệ thống trong Quản lý Nhà nước về kinh tế

## **Chuyên đề 2: QUY LUẬT VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (LT4, TH0, TL4)**

### 2.1. Quy luật

2.1.1. Định nghĩa về quy luật

2.1.2. Tính khách quan của quy luật

2.1.3. Đặc điểm của các quy luật kinh tế

2.1.4. Cơ chế vận dụng các quy luật

2.1.5. Các loại quy luật

2.1.6. Cơ chế quản lý kinh tế

### 2.2. Các nguyên tắc Quản lý Nhà nước về kinh tế

2.2.1. Định nghĩa nguyên tắc Quản lý Nhà nước về kinh tế

2.2.2. Các nguyên tắc quản lý kinh tế của Nhà nước

## **Chuyên đề 3: CÔNG CỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP (LT3, TH0, TL4)**

### 3.1. Công cụ Quản lý Nhà nước về kinh tế

3.1.1. Khái niệm về công cụ Quản lý Nhà nước về kinh tế

3.1.2. Pháp luật

3.1.3. Kế hoạch

3.1.4. Chính sách

3.1.5. Tài sản quốc gia

3.1.6. Vận dụng các công cụ Quản lý Nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập

### 3.2. Phương pháp Quản lý Nhà nước về kinh tế

3.2.1. Khái niệm về phương pháp Quản lý Nhà nước về kinh tế

3.2.2. Phương pháp hành chính

3.2.3. Phương pháp kinh tế

3.2.4. Phương pháp giáo dục

3.2.5. Vận dụng các phương pháp quản lý của Nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập

## **Chuyên đề 4: MỤC TIÊU VÀ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (LT4, TH0, TL4)**

### 4.1. Mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế

4.1.1. Tổng quan về mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế

4.1.2. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế

4.1.3. Mục tiêu ổn định kinh tế

4.1.4. Mục tiêu công bằng kinh tế

### 4.2. Chức năng quản lý nhà nước về kinh tế

4.2.1. Tổng quan về chức năng quản lý nhà nước về kinh tế

4.2.2. Các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo tính chất tác động

4.2.3. Các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo giai đoạn tác động

## **Chuyên đề 5: THÔNG TIN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (LT4, TH0, TL4)**

### 5.1. Thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế



- 5.1.1. *Khái niệm chung về thông tin*
- 5.1.2. *Vai trò của thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế*
- 5.1.3. *Các yêu cầu đối với thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế*
- 5.1.4. *Các loại thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế*
- 5.1.5. *Hệ thống thông tin quản lý (MIS)*
- 5.2. **Quyết định quản lý nhà nước về kinh tế**
  - 5.2.1. *Khái niệm*
  - 5.2.2. *Các loại hình quyết định quản lý nhà nước*
  - 5.2.3. *Yêu cầu đối với quyết định quản lý nhà nước*
  - 5.2.4. *Căn cứ ra quyết định*
  - 5.2.5. *Quá trình quyết định*
  - 5.2.6. *Phương pháp và kỹ thuật quyết định*
- 5.3. **Văn bản quản lý Nhà nước**
  - 5.3.1. *Khái niệm về văn bản quản lý Nhà nước*
  - 5.3.2. *Các chức năng cơ bản của văn bản*
  - 5.3.3. *Vai trò của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan Nhà nước*
  - 5.3.4. *Các loại hình văn bản Nhà nước*

### **Chuyên đề 6: BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (LT3, TH0, TL3)**

- 6.1. **Khái niệm và hình thức tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế**
  - 6.1.1. *Bộ máy nhà nước và các cơ quan Nhà nước*
  - 6.1.2. *Hình thức tổ chức bộ máy nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay*
  - 6.1.3. *Bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế*
- 6.2. **Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế**
  - 6.2.1. *Các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước về kinh tế*
  - 6.2.2. *Các mô hình bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế*
  - 6.2.3. *Quá trình xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế*
- 6.3. **Cơ cấu bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế**
  - 6.3.1. *Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước ở Trung ương*
  - 6.3.2. *Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương*

### **Chuyên đề 7: CÁN BỘ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP (LT3, TH0, TL2)**

- 7.1. **Tổng quan về cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế**
  - 7.1.1. *Khái niệm về cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế*
  - 7.1.2. *Phân loại cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế*
  - 7.1.3. *Vai trò của cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập*
- 7.2. **Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập**
- 7.3. **Thực trạng và phương hướng đổi mới công tác cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế.**
  - 7.3.1. *Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam*
  - 7.3.2. *Phương hướng đổi mới cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập*

### **Chuyên đề 8: TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH THANH HÓA (LT:2, TH:0, TL: 2)**

- 8.1. **Tình hình phát triển kinh tế tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay**
- 8.2. **Cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế tỉnh Thanh Hóa**



8.3. Thực trạng phát triển kinh tế tỉnh Thanh Hóa theo vùng, địa phương.

### **Chuyên đề 9: THỰC TẾ VỀ CÁC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ THEO TÍNH CHẤT TÁC ĐỘNG (LT0, TH8, TL1)**

9.1. Lựa chọn địa điểm học thực tế

9.2. Xây dựng kế hoạch chương trình thăm quan học tập thực tế

9.3. Chia nhóm và định hướng chủ đề cần nghiên cứu và viết thu hoạch thực tế

9.4. Tổ chức các hoạt động thăm quan thực tế (Tìm hiểu thực tế về chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo tính chất tác động, trong đó chủ yếu đi sâu tìm hiểu về tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động SXKD, chức năng đảm bảo hạ tầng cho phát triển...)

9.5. Tổng kết bài học thực tiễn và viết bài thu hoạch (theo nhóm).

**4. Yêu cầu của môn học:** Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** xác định những phương pháp dạy học dự kiến sẽ thực hiện (Giới thiệu (I); Thuyết trình (L), thảo luận (D), thực hành theo nhóm (P)).

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá**

- |   |               |
|---|---------------|
| - Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên:               | Trọng số 30%. |
| - Điểm đánh giá chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo: | Trọng số 20%  |
| - Điểm thi kết thúc:                                  | Trọng số 50%. |

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham dạy học**

**9.1. Giáo trình chính**

1. Phan Huy Đường (2015), *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB ĐHQGHN

**9.2. Tài liệu tham khảo**

2. Thái Thị Kim Oanh (2020), *Giáo trình Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế- xã hội*, NXB ĐH Vinh.

3. Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Như Bình (2020), *Giáo trình Hội nhập kinh tế quốc tế*, NXB ĐHKQTĐ.

### **M4B. KINH TẾ HỌC QUẢN LÝ (MANAGERIAL ECONOMICS)**

- Số tín chỉ: 3 (LT27, TH10, TL26)
- Mã học phần: 3KT131
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Không

**1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Học phần Kinh tế học quản lý là môn kinh tế học ứng dụng trong thực tiễn quản lý, cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về các nguyên lý kinh tế vi



mô như phân tích cung cầu, dự báo cầu, phân tích cấu trúc thị trường, lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư... kết hợp với các công cụ phân tích của khoa học để đưa ra những quyết định thích hợp về sản xuất và giá cả trong những môi trường cạnh tranh khác nhau.

*Năng lực cần đạt được:* Người học có thể vận dụng những lý thuyết kinh tế và những kỹ thuật định lượng vào phân tích đánh giá những vấn đề thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, những vấn đề mà các nhà quản lý phải đối mặt trong phạm vi chức năng của tổ chức cũng như các chiến lược mà họ phải tính đến từ đó đưa ra những quyết định kinh doanh giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất.

## **2. Mục tiêu học phần**

### **2.1. Mục tiêu về kiến thức**

CO1: Có khả năng phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề thông qua việc vận dụng lý thuyết vào thực tiễn hoạt động kinh doanh bằng cách lựa chọn và ứng dụng những nguyên lý kinh tế phù hợp vào từng tình huống cụ thể;

CO2: Có khả năng tổng hợp và vận dụng kiến thức các công cụ kinh tế để hiểu và giải thích về hành vi kinh tế của các cá nhân và các doanh nghiệp trong thực tế bằng phương pháp định tính và định lượng.

### **2.2. Mục tiêu về kỹ năng**

CO3: Có khả năng ứng dụng những kỹ thuật định lượng cơ bản vào việc phân tích, đánh giá và phát hiện vấn đề để hỗ trợ cho việc ra quyết định vào từng tình huống cụ thể;

CO4: Có kỹ năng tính toán, ước lượng được cầu, ước lượng hàm sản xuất và chi phí của doanh nghiệp;

CO5: Có khả năng vận dụng những kiến thức về phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận, cấu trúc thị trường, tính toán được cách thức định giá tối ưu để quản lý doanh nghiệp trong nền kinh tế mở;

CO6: Phân tích các tình huống ra quyết định trong một trò chơi cụ thể (game theory) và lựa chọn được quyết định đầu tư tối ưu của doanh nghiệp trong điều kiện rủi ro.

### **2.3. Mục tiêu về thái độ**

Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học, phục vụ lợi ích của nhân dân; có tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp

## **3. Nội dung của học phần**

### **Chuyên đề 1: TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ QUẢN LÝ (LT3, TH0, TL3)**

#### **1.1. Bản chất và phạm vi của kinh tế quản lý**

1.1.1. *Khái niệm kinh tế quản lý*

1.1.2. *Mối quan hệ của kinh tế quản lý với lý thuyết kinh tế*

1.1.3. *Mối quan hệ của kinh tế với các môn học về khoa học ra quyết định*

#### **1.2. Lý thuyết doanh nghiệp**

1.2.1. *Các loại hình doanh nghiệp*

1.2.2. *Vấn đề sở hữu và quản lý doanh nghiệp*

1.2.3. *Mục tiêu của các doanh nghiệp*

#### **1.3. Kỹ thuật tối ưu hóa**

### **Chuyên đề 2: PHÂN TÍCH CẦU (LT5, TH10, TL5)**

#### **2.1. Cầu và co dẫn của cầu**

2.1.1. *Lý thuyết về cầu truyền thống*



2.1.2. Phân tích độ co giãn của cầu

2.1.3. Sử dụng các hệ số co giãn của cầu trong việc ra quyết định quản lý

2.2. Ước lượng cầu

Các phương pháp marketing dùng để ước lượng cầu

Sử dụng phân tích hồi quy ước lượng cầu

Dự báo cầu

\* **Nội dung thực hành:** Điều tra khảo sát thị trường kết hợp sử dụng phần mềm Excel, SPSS để ước lượng và dự báo cầu về lập cửa hàng mới, phát triển sản phẩm mới, xác định doanh thu...

### **Chuyên đề 3: LỰA CHỌN SẢN XUẤT TỐI ƯU (LT4, TH0, TL3)**

3.1. Lý thuyết sản xuất

3.2. Lý thuyết chi phí

3.2.1. Bản chất của chi phí

3.2.2. Các chi phí trong ngắn hạn

3.2.3. Các chi phí trong dài hạn

3.2.4. Mối quan hệ giữa các chi phí ngắn hạn và dài hạn

3.3. Ước lượng hàm sản xuất và chi phí của doanh nghiệp

### **Chuyên đề 4: CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG VÀ MỨC ĐỘ CẠNH TRANH (LT5, TH0, TL5)**

4.1. Cạnh tranh hoàn hảo

4.2. Độc quyền

4.1.1. Độc quyền mua

4.1.2. Độc quyền bán

4.1.3. Định giá khi có thể lực thị trường

4.3. Cạnh tranh độc quyền

4.4. Độc quyền nhóm

4.4.1. Hợp tác trong độc quyền nhóm

4.4.2. Cạnh tranh trong thị trường độc quyền nhóm

4.4.3. Trạng thái cân bằng trong thị trường độc quyền nhóm

### **Chuyên đề 5: LÝ THUYẾT TRÒ CHƠI VÀ TƯ DUY CHIẾN LƯỢC (LT4, TH0, TL4)**

5.1. Giới thiệu

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Ý nghĩa của lý thuyết trò chơi trong hoạt động kinh doanh

5.2. Trò chơi dưới dạng chiến lược

5.2.1. Cân bằng Nash

5.2.2. Chiến lược ưu thế

5.2.3. Chiến lược maximin

5.3. Ứng dụng của lý thuyết trò chơi

### **Chuyên đề 6: PHÂN TÍCH RỦI RO VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ (LT3, TH0, TL3)**

6.1. Mô tả rủi ro

6.2. Sở thích về mức độ rủi ro

6.3. Giảm nhẹ rủi ro

6.4. Cầu về tài sản có rủi ro

6.5. Các phương pháp khác để đưa yếu tố rủi ro vào quá trình ra quyết định



6.6. Ra quyết định trong điều kiện rủi ro

## **Chuyên đề 7: VAI TRÒ KINH TẾ CỦA CHÍNH PHỦ - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI NHÀ QUẢN LÝ (LT3, TH0, TL3)**

7.1. Cơ sở lý thuyết về điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường

7.2. Điều tiết của Chính phủ trên thực tế

7.3. Hoạt động điều tiết cạnh tranh quốc tế

**4. Yêu cầu của môn học:** Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** xác định những phương pháp dạy học dự kiến sẽ thực hiện (Giới thiệu (I); Thuyết trình (L), thảo luận (D), thực hành theo nhóm (P)

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá**

- |   |              |
|---|--------------|
| - Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên :              | Trọng số 30% |
| - Điểm đánh giá chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo: | Trọng số 20% |
| - Điểm thi kết thúc:                                  | Trọng số 50% |

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham dạy học**

#### **9.1. Giáo trình chính**

1. Tạ Đức Khánh (2012), *Giáo trình Kinh tế quản lý*, NXB Giáo dục

#### **9.2. Tài liệu tham khảo**

2. Nguyễn Văn Dân, Phạm Quỳnh Mai (2016), *Giáo trình Kinh tế vi mô 2*, NXB Tài chính
3. Cao Thuý Xiêm, Nguyễn Thị Tường Anh (2012), *Kinh tế học vi mô 2*, NXB ĐH KTQD
4. William Poundstone (2015), *Thế lưỡng nan của người tù*, NXB LĐ-XH

## **M5A. HÀNH VI TỔ CHỨC (ORGANIZATIONAL BEHAVIOR)**

- Số tín chỉ: **3 (LT27, TH10, TL26)**
- Mã học phần: 3QT205
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Học phần nghiên cứu thái độ và hành vi của người lao động trong tổ chức, nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong việc phát huy nguồn lực con người. Học phần làm rõ cơ sở hành vi cá nhân, việc ra quyết định của một cá nhân, vấn đề động lực làm việc của người lao động; cơ sở hành vi nhóm; Lãnh đạo và quyền lực, Giao tiếp trong tổ chức, Xung đột và đàm phán. Bên cạnh đó các vấn đề về tổ chức cũng được đề cập rõ như Cơ cấu tổ chức, Văn hóa tổ chức, Đánh giá và kiểm soát trong tổ chức, Quản



lý sự thay đổi và phát triển tổ chức, Quản lý căng thẳng trong công việc.

*Năng lực cần đạt được:* Kết thúc học phần, học viên hiểu và vận dụng được kiến thức về hành vi của cá nhân, hành vi nhóm và hành vi của tổ chức, mối liên hệ giữa hành vi cá nhân và hành vi tổ chức. Giải thích được tại sao các nhân trong tổ chức lại hành động như thế này mà không hành động như thế kia trong những tình huống cụ thể. Nắm được bản chất của nhóm, quản trị và xử lý xung đột trong nhóm. Các biện pháp tạo động lực cho các nhân, các thức tổ chức và xây dựng văn hóa trong tổ chức.

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu về Kiến thức**

CO1: Hiểu rõ bản chất và nguồn gốc hình thành hành vi của mỗi một cá nhân trong tổ chức dưới 3 cấp độ (Cá nhân, Nhóm và Tổ chức). Vận dụng thành thạo các kiến thức về hành vi tổ chức trong việc quản lý một đơn vị, tổ chức.

### **2.2. Mục tiêu về Kỹ năng**

CO2: Vận dụng thành thạo các học thuyết về tạo động lực trong việc quản lý điều hành. CO3: Thành thạo kỹ năng giao tiếp trong các tổ chức, có khả năng đàm phán và giải quyết các xung đột.

CO4: Thành thạo kỹ năng quản lý sự thay đổi và quản lý căng thẳng trong công việc

CO5: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề hành vi người lao động trong tổ chức để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

### **2.3. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm**

CO6: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề lãnh đạo và quản lý để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

## **3. Nội dung chi tiết học phần**

### **Chuyên đề 1: TỔNG QUAN VỀ HÀNH VI TỔ CHỨC (LT3, TH0, TL2)**

- 1.1 Hành vi tổ chức và vai trò của hành vi tổ chức
- 1.2 Chức năng của hành vi tổ chức
- 1.3 Quan hệ giữa hành vi tổ chức với các môn khoa học khác
- 1.4 Hành vi tổ chức với những thách thức và cơ hội của tổ chức
- 1.5 Đối tượng, nhiệm vụ và nội dung môn hành vi tổ chức

### **Chuyên đề 2: HÀNH VI CÁ NHÂN VÀ RA QUYẾT ĐỊNH CÁ NHÂN (LT5, TH0, TL6)**

#### **2.1 Cơ sở hành vi cá nhân**

- 2.1.1 Các đặc điểm nhân khẩu học
- 2.1.2 Thái độ
- 2.1.3 Giá trị
- 2.1.4 Tính cách
- 2.1.5 Nhận thức
- 2.1.6 Học hỏi

#### **2.2 Ra quyết định cá nhân**

- 2.2.1 Mô hình và các yếu tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định cá nhân
- 2.2.2 Nâng cao hiệu quả và tính sáng tạo trong ra quyết định cá nhân

### **Chuyên đề 3: TẠO ĐỘNG LỰC CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (LT3, TH0, TL3)**

- 3.1 Động lực của cá nhân trong tổ chức
- 3.2. Các học thuyết về tạo động lực



- 3.2.1 *Thuyết X và thuyết Y*
- 3.2.2 *Học thuyết hai nhân tố (Herzberg)*
- 3.2.3 *Các học thuyết về nhu cầu*
- 3.2.4 *Học thuyết kỳ vọng (Victor Vroom)*
- 3.2.5 *Học thuyết tăng cường tích cực (B.F. Skinner)*
- 3.2.6 *Học thuyết công bằng (J. Stacy Adam)*
- 3.2.7 *Học thuyết đặt mục tiêu*

### 3.3. Tạo động lực trong các tổ chức ở Việt Nam

## **Chuyên đề 4: HÀNH VI NHÓM, LÃNH ĐẠO VÀ QUYỀN LỰC (LT4, TH0, TL3)**

### 4.1. Hành vi nhóm

- 4.1.1 *Nhóm và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân trong nhóm*
- 4.1.2 *Quyết định nhóm*
- 4.1.3 *Xây dựng nhóm làm việc hiệu quả*

### 4.2. Lãnh đạo và Quyền lực

- 4.2.1. *Khái niệm, mối quan hệ và sự khác biệt*
- 4.2.2. *Các học thuyết về lãnh đạo*

## **Chuyên đề 5: GIAO TIẾP, XUNG ĐỘT VÀ ĐÀM PHÁN TRONG TỔ CHỨC (LT4, TH3, TL3)**

### 5.1 Giao tiếp trong tổ chức

- 5.1.1 *Khái niệm, vai trò và hình thức giao tiếp trong tổ chức*
- 5.1.2 *Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp*
- 5.1.3 *Giao tiếp hiệu quả*

### 5.2 Xung đột

- 5.2.1 *Bản chất và các quan điểm về xung đột*
- 5.2.2 *Quá trình xung đột*

### 5.3 Đàm phán

- 5.3.1 *Khái niệm, phương pháp, quá trình đàm phán*
- 5.3.2 *Đặc điểm cá nhân và hiệu quả đàm phán*

## **Chuyên đề 6: CƠ CẤU VÀ VĂN HÓA TỔ CHỨC (LT4, TH0, TL4)**

### 6.1 Cơ cấu tổ chức

- 6.1.1 *Yêu cầu và các yếu tố then chốt khi thiết kế cơ cấu tổ chức*
- 6.1.2 *Mô hình tổ chức và các nhân tố ảnh hưởng tới sự lựa chọn cơ cấu tổ chức*

### 6.2 Văn hóa tổ chức

- 6.2.1 *Khái niệm, đặc trưng và các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa tổ chức*
- 6.2.2 *Văn hóa tổ chức và Hành vi của người lao động*
- 6.2.3 *Xây dựng và quản lý văn hóa tổ chức tích cực*

## **Chuyên đề 7: QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI TRONG TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CĂNG THẲNG TRONG CÔNG VIỆC (LT4, TH0, TL4)**

### 7.1 Quản lý sự thay đổi

- 7.1.1 *Thay đổi và các yếu tố cản trở sự thay đổi*
- 7.1.2 *Các mô hình quản lý sự thay đổi*

### 7.2 Quản lý căng thẳng trong công việc

- 7.2.1 *Khái niệm và nguyên nhân gây căng thẳng*
- 7.2.2 *Hậu quả của sự căng thẳng*



### 7.2.3 Quản lý sự căng thẳng

## Chuyên đề 8: THỰC HÀNH THỰC TẾ VỀ CÁC KỸ NĂNG THUỘC HÀNH VI TỔ CHỨC (LT0, TH5, TL1)

- 8.1. Lựa chọn địa điểm học thực hành thực tế
  - 8.2. Xây dựng kế hoạch chương trình thăm quan học tập thực tế
  - 8.3. Chia nhóm và định hướng chủ đề cần nghiên cứu
  - 8.4. Tổ chức các hoạt động thăm quan thực tế (*rèn các kỹ năng tạo động lực; giao tiếp; làm việc nhóm, đàm phán, quản lý sự hay đối và quản lý sự căng thẳng*)
  - 8.5. Tổng kết bài học thực tiễn và viết bài thu hoạch (theo nhóm).
- 4. Yêu cầu của môn học:** Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- 5. Phương pháp giảng dạy:** xác định những phương pháp dạy học dự kiến sẽ thực hiện (Giới thiệu (I); Thuyết trình (L), thảo luận (D), thực hành theo nhóm (P)).
- 6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.
- 7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.
- 8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá**
- |   |               |
|---|---------------|
| - Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên:               | Trọng số 30%. |
| - Điểm đánh giá chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo: | Trọng số 20%  |
| - Điểm thi kết thúc:                                  | Trọng số 50%. |

**Thang điểm: 10**

### 9. Tài liệu tham dạy học

#### 9.1. Giáo trình chính

1. Phạm Thúy Hương & Phạm Thị Bích Ngọc (2018), *Giáo trình Hành vi tổ chức*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

#### 9.2. Tài liệu tham khảo

2. Bùi Anh Tuấn & Phạm Thúy Hương (2013), *Giáo trình Hành vi tổ chức*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

3. Robbins S.P, Timothy A.Judge (2012), *Hành vi tổ chức*, NXB Lao động xã hội

## M5B. QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HOÁ (HUMAN RESOURCE MANAGEMENT IN GLOBALIZATION CONTEXT)

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3QT203
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hoá cung cấp những kiến thức chuyên sâu như: các trường phái quản trị nguồn nhân lực và hoàn cảnh ra đời, tiếp cận hiện đại về quản trị nguồn nhân lực; hoạt động tìm kiếm và



tuyển chọn nhân sự của các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh về nhân lực ngày càng tăng và mở rộng phạm vi toàn cầu; công tác bố trí, sử dụng nguồn nhân lực theo tiếp cận đa trí tuệ, dụng nhân như dụng mộc; tạo dựng mô hình doanh nghiệp học tập thông qua đào tạo và phát triển nhân sự nội bộ; chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua đãi ngộ nhân sự. Duy trì quan hệ lao động theo các thông lệ trong nước và quốc tế.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức phù hợp với bối cảnh toàn cầu
- CO2: Có kỹ năng hoạch định chiến lược nhân lực, tuyển chọn nhân sự, bố trí, sử dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự, đãi ngộ nhân sự trong tổ chức
- CO3: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức phù hợp với bối cảnh toàn cầu
- CLO2: Hoạch định chiến lược nhân lực, tuyển chọn nhân sự, bố trí, sử dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự trong tổ chức
- CLO3: Có khả năng đánh giá nhân sự, tạo sự gắn kết trong nhân viên và tính toán thù lao nhân sự.
- CLO4: Sử dụng tốt 1 số công cụ trong quản trị nguồn nhân lực.
- CLO5: Đánh giá đúng được về phẩm chất, tiêu chuẩn cần đạt được của cán bộ quản quản trị nguồn nhân lực cũng như các bộ phận khác trong tổ chức.
- CLO6: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề quản lý nhà nước về công tác quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức phù hợp với bối cảnh toàn cầu.

## 4. Nội dung học phần

### Chương 1: Giới thiệu về quản trị nguồn nhân lực (LT: 4; TH: 0; TL-BT 4; Tự học 15)

#### 1.1. Quản trị nguồn nhân lực và tầm quan trọng của quản trị nguồn nhân lực

- 1.1.1. Nguồn nhân lực và phân loại nguồn nhân lực
- 1.1.2. Khái niệm, vai trò, vị trí của quản trị nguồn nhân lực
- 1.1.3. Các mô hình quản trị nguồn nhân lực

#### 1.2. Nội dung quản trị nguồn nhân lực

### Chương 2: Hoạch định và tuyển dụng (LT: 8; TH: 5; TL-BT 3; Tự học 25)

#### 2.1. Hoạch định nguồn nhân lực

- 2.1.1. Tầm quan trọng và lợi ích của hoạch định nguồn nhân lực
- 2.1.2. Quy trình hoạch định nguồn nhân lực trong tổ chức
- 2.1.3. Các yếu tố tác động đến hoạch định nguồn nhân lực
- 2.1.4. Một số công cụ dự báo nhu cầu nguồn nhân lực
- 2.1.5. Hoạch định nguồn nhân lực hiệu quả trong bối cảnh hiện nay

#### 2.2. Tuyển dụng nguồn nhân lực

- 2.2.1. Chiến lược và chính sách tuyển dụng trong tổ chức
- 2.2.2 Tầm quan trọng của tuyển dụng trong quản trị nguồn nhân lực



2.2.3. Quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực trong tổ chức

2.2.5. Xu hướng tuyển dụng trong tương lai

**Chương 3: Phát triển nguồn nhân lực (LT: 5; TH: 0; TL-BT 3; Tự học 25)**

**3.1. Đào tạo và phát triển nhân lực**

3.1.1. Đào tạo, học tập và phát triển trong bối cảnh công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số

3.1.2. Các lý thuyết học tập

**3.2. Quản trị năng lực**

3.2.1. Năng lực và chu kỳ năng lực

**Chương 4: Gắn kết nhân viên, thành tích và thù lao**

**(LT: 5; TH: 0; TL-BT 3; Tự học 30)**

**4.1. Gắn kết nhân viên**

4.1.1. Gắn kết nhân viên và hiệu quả hoạt động của tổ chức

4.1.2. Đo lường mức độ gắn kết

4.1.3. Xây dựng môi trường làm việc gắn kết: Mục tiêu, Chiến lược và Thách thức

**4.2. Đánh giá và quản trị thành tích làm việc**

4.2.1. Mục tiêu của quản trị thành tích làm việc

4.2.2. Quy trình, nội dung đánh giá và quản trị thành tích làm việc

**4.3. Thù lao và phúc lợi**

4.3.1. Khái niệm, hình thức thù lao và tiền thưởng

**Chương 5: Quản trị nguồn nhân lực trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (LT: 5;**

**TH: 0; TL-BT 3; Tự học 25)**

**5.1 Đổi mới quản trị nguồn nhân lực**

5.1.1. Quản trị nhân lực và quá trình đổi mới

5.1.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đổi mới quản trị nhân lực trong tổ chức

5.1.3 Các xu hướng hiện đại trong đổi mới quản trị nguồn nhân lực

**5.2 Quản trị nguồn nhân lực tại SMEs: Hiện tại và tương lai**

5.2.1. Quản trị nguồn nhân lực và hiệu quả hoạt động của tổ chức trong SME

5.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị nguồn nhân lực trong SME

5.2.3. Xu hướng quản trị nguồn nhân lực tại SMEs

**Chương 6: Thực tế về công tác quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức (LT: 0; TH:**

**5; TL-BT 1; Tự học 15)**

1. Lựa chọn địa điểm học thực tế

2. Xây dựng kế hoạch chương trình thăm quan học tập thực tế

3. Chia nhóm và định hướng chủ đề cần nghiên cứu và viết thu hoạch thực tế

4. Tổ chức các hoạt động thăm quan thực tế

**5. Hình thức dạy - học**

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan....).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x			
Vấn đáp	x	x	x	x	x	



Tự học	x	x	x			x
Thảo luận	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x	
Hướng dẫn	x	x	x			
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	x

## 6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số	
<b>Kiểm tra thường xuyên (30%)</b>					
1	Kiểm tra viết	Rubic thi viết	CLO1 CLO2,3,5	30%	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubic thảo luận	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6		
3	Thuyết trình BT nhóm hoặc báo cáo kết quả hoạt động thực tế	Rubic thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO6		
<b>Đánh giá thường xuyên (20%)</b>					
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubic chuyên cần	CLO1,2,6		20%
<b>Thi cuối kì (50%)</b>					
1	Thi viết	Rubic thi viết	CLO1,2,3,4,5,6	50%	
<b>Thang điểm</b>				10	

## 7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Tham gia đầy đủ tích cực các hoạt động trên lớp, hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, bài tập cá nhân đảm bảo chất lượng; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

## 8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

## 9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

## 10. Tài liệu dạy học

*Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)*



Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Thanh Nhân (2016), Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực căn bản, NXB Thống kê, Hà Nội..

**Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)**

1. Amitabha Sengupta (2021), Quản trị nguồn nhân lực, NXB Hồng Đức
2. Nguyễn Văn Điềm, Nguyễn Ngọc Quân (2015), Giáo trình Quản trị nhân lực, NXB Thống kê, Hà Nội.

**M.6A PHÂN TÍCH KINH DOANH (BUSINESS ANALYSIS)**

- Số tín chỉ: 3 (27, 21; 15)
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Mã HP: 3KQ101

**1. Mô tả học phần:**

*Nội dung học phần:*

Nội dung học phần về chức năng, vị trí của phân tích kinh doanh trong doanh nghiệp như: khái niệm, nội dung, các phương pháp phân tích và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; phân tích tình hình sản xuất; phân tích kết quả sản xuất, tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Qua đó, xác định các nhân tố ảnh hưởng và tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng, đề xuất các biện pháp để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp.

Năng lực cần đạt được: Kết thúc học phần học viên có năng lực vận dụng các phương pháp phân tích để phân tích hoạt động sản xuất, phân tích tình hình tiêu thụ và kết quả sản xuất, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; có năng lực phân tích độc lập, kỹ năng lập luận và trình bày quan điểm.

**2. Mục tiêu học phần**

*2.1 Mục tiêu về kiến thức*

CO1: Nắm vững các vấn đề cơ bản khái niệm, nội dung, phương pháp phân tích

CO2: Hiểu cách xác định các chỉ tiêu, phương pháp sử dụng phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh

CO3: Nắm vững các chỉ tiêu, phương pháp sử dụng để phân tích hoạt động tiêu thụ, kết quả kinh doanh; phân tích tình hình tài chính

*2.2 Mục tiêu về kỹ năng*

CO5: Có kỹ năng vận dụng các phương pháp phân tích để phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh

CO6: Có kỹ năng phân tích tình hình tiêu thụ và kết quả sản xuất

CO7: Có kỹ năng phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp

CO8: Có kỹ năng phân tích độc lập, kỹ năng lập luận, trình bày quan điểm

*2.3. Mục tiêu về thái độ và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:*

Có thái độ tự học, tự nghiên cứu; có thái độ, phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan; có tinh thần trách nhiệm với công việc, có tinh thần tự chịu trách nhiệm.

**3. Nội dung chi tiết học phần**

**Chuyên đề 1: Tổng quan về phân tích kinh doanh (LT: 4, TL: 3, TH: 0)**

1.1. Khái niệm



- 1.2. Đối tượng, nhiệm vụ phân tích
- 1.3. Phương pháp phân tích
- 1.4. Tổ chức công tác phân tích ở doanh nghiệp

**Chuyên đề 2: Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh (LT: 10, TL: 4, TH: 6)**

**2.1. Phân tích tình hình cung ứng yếu tố đầu vào**

- 2.1.1. Phân tích yếu tố lao động
- 2.1.2. Phân tích yếu tố TSCĐ
- 2.1.3. Phân tích yếu tố nguyên vật liệu

**2.2. Phân tích hoạt động sản xuất**

- 2.2.1. Phân tích chi phí sản xuất
- 2.2.2. Phân tích giá thành sản phẩm

**Chuyên đề 3: Phân tích hoạt động tiêu thụ và kết quả KD (LT: 6, TL: 7, TH: 3)**

- 3.1. Phân tích hoạt động tiêu thụ
- 3.2. Phân tích, đánh giá kết quả kinh doanh

**Chuyên đề 4: Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp (LT: 7, TL: 7, TH: 6)**

- 4.1. Đánh giá khái quát về tình hình tài chính
- 4.2. Phân tích cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư
- 4.3. Phân tích tình hình thanh toán và khả năng thanh toán ngắn hạn
- 4.4. Phân tích năng lực hoạt động của tài sản
- 4.5. Phân tích khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

**4. Yêu cầu của môn học:**

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Sử dụng linh các phương pháp giảng dạy trong đó thuyết giảng (L) kết hợp công nghệ thông tin trong bài giảng, thảo luận nhóm (D), dạy học theo tình huống (P)....

**6. Kế hoạch tư vấn:**

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

**7. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá**

- |   |               |
|---|---------------|
| - Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên :              | Trọng số 30%. |
| - Điểm đánh giá chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo: | Trọng số 20%  |
| - Điểm thi kết thúc:                                  | Trọng số 50%. |

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham dạy học:**

**9.1. Giáo trình chính**

Nguyễn Văn Công (2013), Giáo trình phân tích kinh doanh, NXB Đại học KTQD

**9.2. Tài liệu tham khảo**



Nguyễn Ngọc Quang (2014), Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Giáo dục Việt Nam.

Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương (2013), Phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Lao động- xã hội.

## **M6B. KẾ TOÁN CHO NHÀ QUẢN LÝ (ACCOUNTING FOR MANAGERS)**

- Số tín chỉ: **3 (TL27, TH9, TL27)**
- Mã học phần: 3KQ102
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản các vấn đề cơ bản của kế toán, kế toán tài chính và kế toán quản trị, bao gồm bản chất, nguyên tắc trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cũng như lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định; các phương pháp xác định chi phí sản xuất; phân biệt dự toán linh hoạt và dự toán tĩnh; mục tiêu của hệ thống kế toán trách nhiệm, các loại trung tâm trách nhiệm; các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn.

*Năng lực cần đạt được:* Kết thúc học phần học viên có năng lực đọc hiểu, phân tích thông tin kế toán phục vụ ra các quyết định ngắn hạn, dài hạn; có khả năng xác định chi phí, lập và phân tích các loại dự toán; có khả năng vận dụng kiến thức để đánh giá thành quả quản lý tại các trung tâm trách nhiệm và có khả năng phân tích các báo cáo bộ phận trong doanh nghiệp.

### **2. Mục tiêu học phần**

#### **2.1 Mục tiêu về kiến thức**

- CO1: Nắm vững các vấn đề cơ bản của kế toán, kế toán tài chính, kế toán quản trị
- CO2: Hiểu được cách xác định chi phí, lập dự toán, các khái niệm về chi phí khối lượng, lợi nhuận
- CO3: Hiểu được nội dung các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị
- CO4: Hiểu được nội dung, cách đánh giá các trung tâm trách nhiệm, báo cáo bộ phận

#### **2.2 Mục tiêu về kỹ năng**

- CO5: Có kỹ năng phân tích thông tin phục vụ ra quyết định ngắn hạn, dài hạn
- CO6: Có kỹ năng xác định chi phí, lập dự toán
- CO7: Có kỹ năng đọc hiểu thông tin kế toán trên Báo cáo tài chính, BCKTQT
- CO8: Có kỹ năng vận dụng kiến thức để đánh giá thành quả quản lý tại các trung tâm trách nhiệm; Có kỹ năng phân tích báo cáo bộ phận
- CO9: Có kỹ năng thuyết trình, tư duy độc lập

#### **2.3. Mục tiêu về thái độ**

Có thái độ tự học, tự nghiên cứu; có thái độ, phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan; có tinh thần trách nhiệm với công việc, có tinh thần tự chịu trách nhiệm.

### **3. Nội dung chi tiết học phần**

**Chuyên đề 1: KẾ TOÁN, NGÔN NGỮ CỦA KINH DOANH VÀ CƠ SỞ RA QUYẾT ĐỊNH (LT4, TL1, TH0)**



- 1.1. Bản chất của kế toán
  - 1.1.1 Khái niệm, nội dung, vai trò của kế toán
  - 1.1.2 Các lĩnh vực phát triển của kế toán

1.2. Kế toán tài chính - Ngôn ngữ kinh doanh

1.3. Kế toán quản trị - Cơ sở cho việc ra quyết định quản lý

## **Chuyên đề 2: ỨNG XỬ CHI PHÍ VÀ PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHÍ KHỐI LƯỢNG - LỢI NHUẬN (LT10, TL10, TH3)**

3.1 Nhận diện chi phí

3.2 Phân tích mối quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận

3.2.1 Một số khái niệm cơ bản về Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận

3.2.2 Ứng dụng phân tích mối quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận

## **Chuyên đề 3: PHÂN TÍCH THÔNG TIN TÀI CHÍNH VÀ RA QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ (LT10, TL14, TH6)**

3.1. Phân tích thông tin tài chính

3.1.1. Bảng cân đối kế toán

3.1.2. Báo cáo kết quả HĐKD

3.1.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

3.2. Phân tích thông tin quản lý

3.2.1 Phân tích quyết định sản xuất

3.2.2. Phân tích quyết định đơn đặt hàng đặc biệt

3.2.3 Phân tích kết cấu hàng bán

3.2.4 Phân tích trong điều kiện giới hạn

## **Chuyên đề 4: ĐÁNH GIÁ THÀNH QUẢ QUẢN LÝ (LT3, TL2, TH0)**

4.1. Tổng quan về đánh giá thành quả quản lý

4.2. Đánh giá thành quả quản lý tại các trung tâm trách nhiệm

4.2.1. Trung tâm chi phí

4.2.2. Trung tâm doanh thu

4.2.3. Trung tâm lợi nhuận

4.2.4. Trung tâm đầu tư

4.3. Báo cáo bộ phận

4.3.1. Vai trò và nội dung của báo cáo bộ phận

4.3.2. Phân tích báo cáo bộ phận

**4. Yêu cầu của môn học:** Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Sử dụng linh các phương pháp giảng dạy trong đó thuyết giảng (L) kết hợp công nghệ thông tin trong bài giảng, thảo luận nhóm (D), dạy học theo tình huống (P)

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.



## 8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Điểm đánh giá chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo: Trọng số 20%
- Điểm thi kết thúc: Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

## 9. Tài liệu tham dạy học

### 9.1. Giáo trình chính

1. Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng và cộng sự (2021), *Giáo trình kế toán quản trị*, NXB ĐH KTQD

### 9.2. Tài liệu tham khảo

2. Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn và cộng sự (2019), *Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam*, NXB tài chính

3. Ngô Thế Chi, Nguyễn Mạnh Thiều (2015), *Giáo trình Kế toán dành cho nhà quản lý*, NXB tài chính

## M7A. KIỂM SOÁT QUẢN LÝ (MANAGEMENT CONTROLS)

- Số tín chỉ: 3 (LT27, TH9, TL27)
- Mã học phần: 3KC101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần Kiểm soát quản lý cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất kiểm soát quản lý, gắn kết và kiểm soát các hành vi của các thành viên, thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập nội dung kiểm soát quản lý trong từng cơ cấu tổ chức, trình tự các hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý (từ lập kế hoạch thực hiện chiến lược, lập dự toán hoạt động, đo lường và đánh giá các hoạt động thực tế nhằm xác định sự tác động hay can thiệp nếu cần đến thực hiện chính sách đãi ngộ đối với kết quả hoạt động của các thành viên trong đơn vị).

*Năng lực cần đạt được:* Người học có thể thực hiện được các hoạt động kiểm soát quản lý trong doanh nghiệp như thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập các nội dung kiểm soát quản lý, trình tự hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý.

### 2. Mục tiêu học phần

Người học có thể vận dụng thành thạo những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô và ứng dụng của nó trong việc đưa ra quyết định của doanh nghiệp. Cụ thể:

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

CO1: Có khả năng phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề thông qua việc vận dụng lý thuyết vào thực tiễn kiểm soát quản lý tại DN bằng cách lựa chọn và ứng dụng những phương pháp, kỹ thuật kiểm soát quản lý phù hợp vào từng tình huống cụ thể.

CO2: Có khả năng tổng hợp và vận dụng kiến thức về kiểm soát quản lý để hiểu và giải thích về gắn kết hành vi trong doanh nghiệp, các trung tâm trách nhiệm, kiểm soát chuyển giá, lập kế hoạch chiến lược, lập dự toán hoạt động, phân tích báo cáo hoạt động, đo lường và đánh giá các hoạt động trong doanh nghiệp trong thực tế.



## 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

CO3: Có kỹ năng phân tích, đánh giá và phát hiện vấn đề để hỗ trợ cho việc ra quyết định vào từng tình huống cụ thể.

CO4: Có kỹ năng phân tích tổng quát cũng như chi tiết tình hình doanh nghiệp để tiến hành các hoạt động kiểm soát quản lý.

CO5: Có kỹ năng lập kế hoạch chiến lược, lập dự toán hoạt động, phân tích báo cáo hoạt động, đo lường và đánh giá các hoạt động trong doanh nghiệp;

CO6: Có kỹ năng tư vấn và trình bày báo cáo hoạt động trong kiểm soát quản lý.

## 2.3. Mục tiêu về thái độ

Nâng cao ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học, phục vụ lợi ích của nhân dân; có tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp

## 3. Nội dung của học phần

### **Chuyên đề 1: BẢN CHẤT CỦA KIỂM SOÁT QUẢN LÝ (LT3, TH0, TL3)**

- 1.1. Kiểm soát và các loại kiểm soát.
- 1.2. Khái niệm và nội dung của kiểm soát quản lý
- 1.3. Các đặc tính của kiểm soát quản lý
- 1.4 So sánh kiểm soát quản lý và kiểm soát tác nghiệp.
- 1.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến thiết kế hệ thống kiểm soát quản lý.

### **Chuyên đề 2: TRUNG TÂM TRÁCH NHIỆM VÀ THIẾT KẾ TRUNG TÂM TRÁCH NHIỆM (LT6, TH0, TL6)**

- 2.1 Khái quát về trung tâm trách nhiệm
- 2.2 Các loại hình trung tâm trách nhiệm
- 2.3 Lợi ích thiết kế các trung tâm trách nhiệm
- 2.4 Đo lường và đãi ngộ hoạt động của nhà quản lý trung tâm trách nhiệm.

### **Chuyên đề 3: LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ LẬP DỰ TOÁN TRONG KIỂM SOÁT QUẢN LÝ (LT6, TH0, TL6)**

- 3.1. Lập kế hoạch chiến lược trong kiểm soát quản lý
- 3.2. Lập dự toán hoạt động trong kiểm soát quản lý

### **Chuyên đề 4: KIỂM SOÁT TÍNH GIÁ CHUYỂN GIAO (LT6, TH0, TL6)**

- 4.1 Mục tiêu tính giá chuyển giao.
- 4.2 Các phương pháp tính giá chuyển giao
- 4.3 Kiểm soát tính giá chuyển giao

### **Chuyên đề 5: ĐO LƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRONG KIỂM SOÁT QUẢN LÝ (LT6, TH9, TL6)**

- 5.1. Khái niệm về đo lường và đánh giá hoạt động trong kiểm soát quản lý
- 5.2. Các phương pháp đo lường và đánh giá hoạt động trong kiểm soát quản lý
- 5.3. Phân tích báo cáo hoạt động trong kiểm soát quản lý
- 5.4. Thực hành đánh giá hoạt động trong kiểm soát quản lý tại 1 đơn vị thực tế

**4. Yêu cầu của môn học:** Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** (Giới thiệu (I); Thuyết trình (L), thảo luận (D), thực hành



theo nhóm (P).

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá**

- Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Điểm đánh giá chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo: Trọng số 20%
- Điểm thi kết thúc: Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham dạy học**

**9.1. Giáo trình chính**

**9.1. Giáo trình chính**

1. Nguyễn Ngọc Huyền (2018), *Kiểm soát*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

2. Phạm Thị Bích Thu và cộng sự (2019), *Kiểm soát nội bộ*, NXB Tài chính.

3. Bob Tricker, dịch giả Nguyễn Thị Thu Hương (2020), *Kiểm soát quản trị* (Corporate Governance), NXB tổng hợp TPHCM.

**M7B. KIỂM SOÁT NỘI BỘ (INTERNAL CONTROL)**

- Số tín chỉ: **03 (TL27, TH9, TL27)**
- Mã học phần: 3KC102
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Không

**1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về KSNB như: Khái niệm, mục đích, đối tượng, phạm vi, chức năng, ý nghĩa của KSNB. Nắm được nội dung, mục đích, các yếu tố cấu thành cũng như so sánh được các khung kiểm soát nội bộ phổ biến trên thế giới. Hiểu được nội dung tổ chức và vận hành kiểm soát nội bộ trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị

*Năng lực đạt được:* Người học có kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc chuyên ngành kế toán - kiểm toán. Đồng thời, có kỹ năng nhận diện, đánh giá rủi ro trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị, tổ chức KSNB trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị, đánh giá KSNB trong các đơn vị được kiểm toán khi tiến hành các hoạt động kiểm toán.

**2. Mục tiêu học phần**

**2.1. Mục tiêu về kiến thức**

CO1: Hiểu được các kiến thức về KSNB như: Khái niệm, mục đích, đối tượng, phạm vi, chức năng, ý nghĩa của KSNB.

CO2: Nắm được nội dung, mục đích, các yếu tố cấu thành cũng như so sánh được



các khung kiểm soát nội bộ phổ biến trên thế giới.

CO3: Hiểu được nội dung tổ chức và vận hành kiểm soát nội bộ trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị

## **2.2. Mục tiêu về kỹ năng**

Kết thúc học phần, người học đạt được các kỹ năng:

CO4: Kỹ năng nhận diện, đánh giá rủi ro trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị.

CO5: Kỹ năng tổ chức KSNB trong các chu trình SXKD, hoạt động của đơn vị.

CO6: Kỹ năng đánh giá KSNB trong các đơn vị được kiểm toán khi tiến hành các hoạt động kiểm toán.

CO7: Kỹ năng độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc chuyên ngành kế toán - kiểm toán.

CO8: Hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

## **2.3. Mục tiêu về thái độ**

Có ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân. Có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan.

## **3. Nội dung chi tiết học phần**

### **Chuyên đề 1: TỔNG QUAN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ (LT6, TH0, TL6)**

- 1.1. Định nghĩa về kiểm soát
- 1.2. Lịch sử phát triển kiểm soát nội bộ
- 1.3. Vai trò và trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ

### **Chuyên đề 2: CÁC BỘ PHẬN CỦA KIỂM SOÁT NỘI BỘ (LT6, TH0, TL6)**

- 1.1. Lý thuyết về KSNB theo COSO 2013
- 1.2. Các bộ phận của kiểm soát nội bộ

### **Chuyên đề 3: KIỂM SOÁT MỘT SỐ CHU TRÌNH CƠ BẢN TRONG DOANH NGHIỆP (LT9, TH0, TH9)**

- 3.1. Kiểm soát chu trình mua hàng và thanh toán
- 3.2. Kiểm soát chu trình bán hàng – thu tiền
- 3.3. Kiểm soát chu trình tiền lương
- 3.4. Kiểm soát tiền

### **Chuyên đề 4: KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (LT6, TH0, TL6)**

- 4.1. Đặc điểm hệ thống thông tin ảnh hưởng đến KSNB
- 4.2. Những hoạt động kiểm soát trong môi trường máy tính

### **Chuyên đề 5: THỰC HÀNH TÌM HIỂU VỀ KIỂM KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP KHÁC NHAU (9TH)**

- 5.1. KSNB trong doanh nghiệp sản xuất
- 5.2. KSNB trong doanh nghiệp thương mại
- 5.3. KSNB trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ
- 5.4. KSNB trong doanh nghiệp xây lắp

**4. Yêu cầu của môn học:** Học viên cần có tài liệu (ít nhất tài liệu bắt buộc) và đề cương chi tiết học phần để học tập và nghiên cứu. Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài,



thảo luận, làm bài tập, thực hành; tích cực tham gia thảo luận. Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết ở mỗi loại hình học tập (nghe giảng, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành). Hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** xác định những phương pháp dạy học dự kiến sẽ thực hiện (Giới thiệu (I); Thuyết trình (L), thảo luận (D), thực hành theo nhóm (P).

**6. Kế hoạch tư vấn:** Định hướng, đưa ra các nội dung chủ đề tự nghiên cứu của mỗi chuyên đề, modul học phần, hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, tổ chức trao đổi thảo luận và giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

**8. Phương pháp đánh giá môn học**

- |   |               |
|---|---------------|
| - Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên:               | Trọng số 30%. |
| - Điểm đánh giá chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo: | Trọng số 20%  |
| - Điểm thi kết thúc:                                  | Trọng số 50%. |

**Thang điểm: 10**

**9. Tài liệu tham dạy học**

**9.1. Giáo trình chính**

1. Nguyễn Hữu Ánh (2021), *Kiểm soát nội bộ*, NXB ĐH KTQD.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

2. Phạm Thị Bích Thu và cộng sự (2019), *Kiểm soát nội bộ*, NXB Tài chính.
3. VCCI, UNDP (2020), *Manual on Application of Internal Controls and Codes of conduct in business – Reference for Vietnamese Business*, NXB Tài chính.

## **M7C. HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (MANAGEMENT INFORMATION SYSTEMS)**

- Số tín chỉ: **03 (TL27, TH9, TL27)**
- Mã học phần: 3KC103
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Không

**1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, như: Khái niệm, mục đích, đối tượng, phạm vi, chức năng, ý nghĩa của hệ thống thông tin quản lý. Nắm được nội dung, mục đích, các yếu tố cấu thành của hệ thống thông tin quản lý. Hiểu được nội dung tổ chức, vận hành, sử dụng kết quả do hệ thống thông tin quản lý của đơn vị mang lại.

*Năng lực đạt được:* Người học có kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng xử lý và thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc chuyên ngành kế toán - kiểm toán. Đồng thời, có kỹ năng nhận diện, phân loại, phân tích dữ liệu thông tin dưới dạng các loại thông tin điều hành, thông tin chiến lược, thông tin chiến thuật phục vụ cho công tác quản lý của đơn vị. Người học có kỹ năng xây dựng, triển khai HTTTQL, có kỹ năng ứng dụng HTTTQL trong các hoạt động của doanh nghiệp ở cả ba cấp chiến lược, chiến thuật, tác nghiệp.



## 2. Mục tiêu học phần

### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

CO1: Hiểu được các kiến thức về HTTTQL như: Khái niệm, mục đích, đối tượng, phạm vi, chức năng, ý nghĩa của HTTTQL.

CO2: Nắm được nội dung, mục đích, các yếu tố cấu thành của HTTTQL.

CO3: Hiểu được nội dung tổ chức, triển khai, vận hành, xử lý, quản lý, lưu trữ thông tin phục vụ cho công tác quản lý của đơn vị.

### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

Kết thúc học phần, người học đạt được các kỹ năng:

CO4: Kỹ năng nhận diện, phân loại, phân tích dữ liệu thông tin dưới dạng các loại thông tin điều hành, thông tin chiến lược, thông tin chiến thuật phục vụ cho công tác quản lý của đơn vị

CO5: Kỹ năng xây dựng, triển khai HTTTQL, có kỹ năng ứng dụng HTTTQL trong các hoạt động của doanh nghiệp ở cả ba cấp chiến lược, chiến thuật, tác nghiệp.

CO6: Kỹ năng phát triển HTTTQL trong doanh nghiệp.

CO7: Kỹ năng độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc chuyên ngành kế toán - kiểm toán.

CO8: Hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

### 2.3. Mục tiêu về thái độ

Có ý thức yêu nghề, phẩm chất đạo đức của người học; phục vụ lợi ích của nhân dân, có phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan.

## 3. Nội dung chi tiết học phần

### **Chuyên đề 1: TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (LT6, TH0, TL6)**

1.1. Cơ sở lý thuyết của hệ thống thông tin quản lý

1.2. Cơ sở hạ tầng của hệ thống thông tin quản lý

### **Chuyên đề 2: QUY TRÌNH TRIỂN KHAI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THÔNG TIN TRONG TỔ CHỨC (LT3, TH0, TL3)**

2.1. Quy trình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin

2.2. Giải pháp phát triển ứng dụng công nghệ thông tin

2.3. Tích hợp ứng dụng vào CNTT thực tiễn nghiệp vụ

2.4. Quản trị quá trình triển khai ứng dụng CNTT

### **Chuyên đề 3: HỆ THỐNG THÔNG TIN TỔ CHỨC THEO CẤP BẬC QUẢN LÝ (LT6, TH3, TL3)**

3.1. Hệ thống xử lý giao dịch

3.2. Hệ thống thông tin quản lý

3.3. Hệ thống thông tin hỗ trợ lãnh đạo và một số hệ thống thông tin đặc thù khác

3.4. Hệ thống hỗ trợ ra quyết định

### **Chuyên đề 4: HỆ THỐNG THÔNG TIN PHÂN THEO CHỨC NĂNG NGHIỆP VỤ TRONG DOANH NGHIỆP (LT6, TH3, TL6)**

4.1. Hệ thống thông tin tài chính

4.2. Hệ thống thông tin marketing

4.3. Hệ thống thông tin sản xuất



#### 4.4. Hệ thống thông tin quản lý nguồn nhân lực

### **Chuyên đề 5: HỆ THỐNG THÔNG TIN TÍCH HỢP TRONG DOANH NGHIỆP (LT6, TH3, TL6)**

#### 5.1. Hệ thống thông tin tích hợp và hệ thống công việc

#### 5.2. Hệ thống quản lý quan hệ khách hàng

#### 5.3. Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp

#### 5.4. Hệ thống quản lý chuỗi cung ứng

### **4. Yêu cầu của môn học**

+ Học viên cần có tài liệu (ít nhất tài liệu bắt buộc) và đề cương chi tiết học phần để học tập và nghiên cứu.

+ Trong quá trình học phải tích cực, chủ động nghiên cứu bài, thảo luận, làm bài tập, thực hành; tích cực tham gia thảo luận.

+ Đảm bảo tham gia ít nhất 80% số tiết ở mỗi loại hình học tập (nghe giảng, thảo luận, làm việc nhóm, thực hành).

+ Hoàn thành bài tiểu luận, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Tùy thuộc nội dung, mục tiêu của học phần, PPDH dự kiến sẽ thực hiện kết hợp giữa thuyết trình, thảo luận, thực hành theo nhóm với các công cụ, tài liệu giảng dạy nhằm hướng dẫn học viên nghiên cứu, thực hành các nội dung của học phần.

**6. Kế hoạch tư vấn:** Định hướng, đưa ra các nội dung chủ đề tự nghiên cứu của mỗi chuyên đề, modul học phần, hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, tổ chức trao đổi thảo luận và giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### **8. Phương pháp đánh giá môn học**

- |   |               |
|---|---------------|
| - Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên:               | Trọng số 30%. |
| - Điểm đánh giá chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo: | Trọng số 20%  |
| - Điểm thi kết thúc:                                  | Trọng số 50%. |

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham dạy học**

#### **9.1. Giáo trình chính**

1. Trần Thị Song Minh (2019), *Hệ thống thông tin quản lý*, NXB ĐH KTQD.

#### **9.2. Tài liệu tham khảo**

2. Đàm Gia Mạnh (2017), *Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý*, NXB Thống kê

3. Effy Oz, *Management Information System*, 6 th Edition

4. Kenneth C. Laudon and Jane P.Laudon (2016), *Management Information Systems-managing the digital firm*, Prentice Hall, 13 th Edition.

## **M8. TIỀN TỆ, NGÂN HÀNG VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH/ CURRENCIES, BANKS AND FINANCIAL MARKETS**

- Số tín chỉ: 03 (LT:27, BT:10, TL:26)
- Mã học phần: 8TC201
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: TCNH
- Điều kiện tiên quyết: Không



## 1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức chuyên môn về thị trường tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính như: Đại cương về tài chính & tiền tệ; Các thị trường tài chính; Công cụ tài chính phái sinh; Ngân hàng; Chính sách tiền tệ.

## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên nắm vững kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến thị trường tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính như: Đại cương về tài chính & tiền tệ; Các thị trường tài chính; Công cụ tài chính phái sinh; Ngân hàng; Chính sách tiền tệ.

- CO2: Học viên có kỹ năng phân tích, đánh giá thị trường tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính, từ đó tư vấn cho nhà đầu tư, công ty đưa ra quyết định đầu tư phù hợp.

- CO3: Học viên có năng lực làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, có đạo đức nghề nghiệp và tự chịu trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ được giao .

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến thị trường tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính như: Đại cương về tài chính & tiền tệ; Các thị trường tài chính; Công cụ tài chính phái sinh; Ngân hàng; Chính sách tiền tệ.

- CLO2: Phân tích được nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề và đưa ra các quyết định đầu tư liên quan đến thị trường tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính một cách hiệu quả.

- CLO3: Vận dụng thành thạo các kiến thức để phân tích, đánh giá được những vấn đề liên quan đến thị trường tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính.

- CLO4: Có kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến thị trường tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính.

- CLO5: Có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến thị trường tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

## 4. Nội dung học phần

### Nội dung 1: Đại cương về tài chính và tiền tệ (LT:5, BT:0, TL:4)

- 1.1. Căn bản về tài chính và tiền tệ
- 1.2. Tổng quan về thị trường tài chính
- 1.3. Các trung gian tài chính
- 1.4. Vai trò của các trung gian tài chính
- 1.5. Yếu tố lõi suất trong kinh doanh

### Nội dung 2: Các thị trường tài chính (LT: 5, BT:4, TL: 6)

- 2.1. Thị trường tiền tệ & Định giá công cụ nợ ngắn hạn
- 2.2. Thị trường trái phiếu
- 2.3. Định giá và đo lường rủi ro trái phiếu
- 2.4. Công ty cổ phần và thị trường cổ phiếu
- 2.5. Định giá và đo lường rủi ro cổ phiếu

### Nội dung 3: Công cụ tài chính phái sinh (LT: 5, BT:2, TL: 6)

- 3.1. Công cụ kỳ hạn & tương lai
- 3.2. Công cụ quyền chọn
- 3.3. Công cụ hoán đổi
- 3.4. Công cụ ngoại hối phái sinh



**Nội dung 4: Ngân hàng (LT: 6, BT: 2, TL: 5)**

- 4.1. Tổng quan về ngân hàng thương mại
- 4.2. Nguyên lý hoạt động ngân hàng thương mại
- 4.3. Tổng quan về tín dụng ngân hàng
- 4.4. Nghiệp vụ cho vay doanh nghiệp của ngân hàng
- 4.5. Nghiệp vụ bảo lãnh của ngân hàng

**Nội dung 5: Chính sách tiền tệ (LT: 6, BT:2, TL: 5)**

- 5.1. Cấu trúc lãi suất
- 5.2. Cung cầu tiền tệ
- 5.3. Tiền tệ và lạm phát
- 5.4. Ngân hàng trung ương
- 5.5. Chính sách tiền tệ
- 5.6. Tài chính quốc tế
- 5.7. Chính sách tiền tệ, tài khoá và tỷ giá trong nền kinh tế mở
- 5.8. Chính sách quản lý ngoại hối quốc gia

**5. Hình thức dạy - học**

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	X	x	x	x	
Vấn đáp	X				x
Tự học	X	x	x	x	x
TL	X	x	x	x	x
Thực hành					
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

**6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần**

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số	
<b>Kiểm tra thường xuyên (30%)</b>					
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1 CLO2,3	30%	
2	Bài tập	Rubric bài tập	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5		
<b>Đánh giá thường xuyên (20%)</b>					
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích	Rubric chuyên cần	CLO1,2,5		20%



	cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.			
<b>Thi cuối kì (50%)</b>				
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	50%
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

### 8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn TCNH (phòng 306 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

### 9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### 10. Tài liệu dạy học

#### *Giáo trình chính*

- GS.TS. Nguyễn Văn Tiến (2023), *Tiền tệ - Ngân hàng & Thị trường tài chính*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

#### *Tài liệu tham khảo*

- Nguyễn Văn Ngọc (2021), *Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường tài chính*, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.

- Frederic S.Mishkin (2008), *Tiền tệ, Ngân hàng & Thị trường Tài chính*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

## **M9. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP HIỆN ĐẠI/ MODERN CORPORATE FINANCIAL MANAGEMENT**

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3QK238
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: TCNH
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những nội dung chính về tài chính doanh nghiệp, đó là dự toán vốn đầu tư, rủi ro và lợi nhuận, chính sách cổ tức, cơ cấu vốn và chi phí vốn, quản trị tài sản ngắn hạn và những vấn đề liên quan đến sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.



## 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có thể thành thạo phân tích đánh giá những vấn đề liên quan đến việc dự toán vốn đầu tư; nguồn tài trợ và cơ cấu nguồn tài trợ như thế nào; và những quyết định liên quan đến quản lý hoạt động tài chính trong ngắn hạn cũng như những vấn đề liên quan đến sáp nhập, mua lại doanh nghiệp đối với công ty cổ phần.

- CO2: Học viên có kỹ năng quản trị, hình thành tư duy và xây dựng được phong cách quản trị; học viên biết cách tư duy sáng tạo, tư duy phản biện.

- CO3: Học viên được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong và tinh thần trách nhiệm và thái độ tích cực.

## 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hoá và vận dụng được các kiến thức về quản trị tạo lập vốn, sử dụng vốn và phân phối vốn đối với công ty cổ phần

- CLO2: Phân tích, đánh giá được những vấn đề liên quan đến quản trị tài chính doanh nghiệp trong công ty cổ phần

- CLO3: Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp

- CLO4: Phân tích được nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề và ra được các quyết định quản trị tài chính doanh nghiệp một cách hiệu quả.

- CLO5: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề quản trị tài chính doanh nghiệp để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

## 4. Nội dung học phần

### Nội dung 1: Những vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp (LT:4, BT:0, TL:2)

- 1.1. Những vấn đề chính của quản lý tài chính
- 1.2. Vai trò của nhà quản trị tài chính
- 1.3. Mục tiêu của quản trị tài chính doanh nghiệp
- 1.4. Các báo cáo tài chính và dòng tiền

### Nội dung 2: Dự toán vốn đầu tư (LT: 5, BT: 4, TL: 2)

- 2.1. Các phương pháp ra quyết định
- 2.2. Xác định dòng tiền của dự án
- 2.3. Phân tích rủi ro
- 2.4. Dự toán vốn trong điều kiện có lạm phát

### Nội dung 3: Rủi ro và lợi nhuận (LT: 4, BT:5, TL: 2)

- 3.1. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận
- 3.2. Rủi ro
- 3.3. Đa dạng hóa rủi ro

### Nội dung 4: Chính sách cổ tức (LT: 4, BT:3, TL: 2)

- 4.1. Các hình thức chi trả cổ tức
- 4.2. Những vấn đề cần xem xét khi ra quyết định về cổ tức
- 4.3. Chính sách cổ tức
- 4.4. Tách, gộp, mua lại cổ phiếu

### Nội dung 5: Cơ cấu vốn và chi phí vốn (LT: 4, BT: 4, TL: 2)

- 5.1. Khái niệm cơ cấu vốn
- 5.2. Lý thuyết M&M về cơ cấu vốn tối ưu



5.3. Một số lý thuyết khác về cơ cấu vốn

5.4. Chi phí vốn

**Nội dung 6: Quản trị tài sản ngắn hạn (LT: 3, BT:4, TL: 2)**

6.1. Quản trị tiền mặt

6.2. Quản trị các khoản phải thu

6.3. Quản trị tồn kho

**Nội dung 7: Sáp nhập và mua lại doanh nghiệp (LT: 3, BT: 0, TL: 4)**

7.1. Các hình thức pháp lý của M&A

7.2. Động cơ cho M&A

7.3. Sách lược phòng thủ chống thâu tóm doanh nghiệp

**5. Hình thức dạy - học**

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành					
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

**6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần**

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số	
<b>Kiểm tra thường xuyên (30%)</b>					
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1 CLO2,3	30%	
2	Bài tập	Rubric bài tập	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5		
<b>Đánh giá thường xuyên (20%)</b>					
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,5		20%
<b>Thi cuối kì (50%)</b>					
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án	CLO1,2,3,4,5	50%	



		thi viết		
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

### 8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn TCNH (phòng 306 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

### 9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### 10. Tài liệu dạy học

#### *Giáo trình chính*

- Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (2019), Giáo trình tài chính doanh nghiệp, NXB Đại học KTQD

#### *Tài liệu tham khảo*

- Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2015), Giáo trình tài chính Doanh nghiệp, NXB Tài chính
- Eugene F. Brigham, Joel F.Houston (2009), Quản trị tài chính, Cengage Learning Asia Ltd (ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh dịch)

## M10. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG/PUBLIC FINANCIAL MANAGEMENT

- Số tín chỉ: 03 (LT:27, BT:10, TL:26)
- Mã học phần: 3TC201
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: TCNH
- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những nội dung chính về tổng quan tài chính công và quản lý tài chính công; Ngân sách nhà nước (NSNN) và quản lý NSNN; Quản lý thu NSNN; Quản lý chi NSNN; Cân đối thu – chi NSNN và tác động của nó tới sự phát triển kinh tế xã hội; Quản lý tài chính ở các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Quản lý nợ công.

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến tài chính công và quản lý tài chính công; Ngân sách nhà nước (NSNN) và quản lý NSNN; Quản lý thu NSNN; Quản lý chi NSNN; Cân đối thu – chi NSNN và tác động của nó tới sự phát triển kinh tế xã hội; Quản lý tài chính ở các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Quản lý nợ công.



- CO2: Học viên có kỹ năng phân tích, đánh giá về các vấn đề liên quan đến tài chính công và quản lý tài chính công, từ đó đưa ra các quyết định phù hợp.

- CO3: Học viên được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, có tinh thần thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến tài chính công và quản lý tài chính công; Ngân sách nhà nước (NSNN) và quản lý NSNN; Quản lý thu NSNN; Quản lý chi NSNN; Cân đối thu – chi NSNN và tác động của nó tới sự phát triển kinh tế xã hội; Quản lý tài chính ở các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Quản lý nợ công.

- CLO2: Có khả năng vận dụng thành thạo các kiến thức để phân tích, đánh giá được những vấn đề liên quan đến tài chính công và quản lý tài chính công.

- CLO3: Có kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến tài chính công và quản lý tài chính công.

- CLO4: Phân tích được nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề và đưa ra các quyết định tổ chức, thực hiện liên quan đến tài chính công và quản lý tài chính công.

- CLO5: Có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến tài chính công và quản lý tài chính công.

### **4. Nội dung học phần**

#### **Chuyên đề 1: Tổng quan về tài chính công và quản lý tài chính công (LT:5, BT:0, TL:5)**

1.1. Tổng quan về tài chính công

1.2. Quản lý tài chính công

#### **Chuyên đề 2: Những vấn đề chung về NSNN và quản lý NSNN (LT:3, BT:0, TL:4)**

2.1 NSNN và hệ thống NSNN

2.2 Quản lý NSNN

#### **Chuyên đề 3: Quản lý thu Ngân sách Nhà nước (LT:4, BT:2, TL:3)**

3.1. Quản lý thu thuế

3.2. Quản lý thu phí, lệ phí

#### **Chuyên đề 4: Quản lý chi ngân sách Nhà nước (LT:5, BT:4, TL:4)**

4.1 Những vấn đề cơ bản về chi và quản lý chi NSNN

4.2 Quản lý chi đầu tư phát triển của NSNN

4.3 Quản lý chi thường xuyên của NSNN

#### **Chuyên đề 5: Cân đối thu – chi NSNN và tác động của nó tới sự phát triển kinh tế xã hội (LT:3, BT:2, TL:3)**

5.1. Tổng quan về cân đối thu – chi NSNN

5.2. Tác động của cân đối thu – chi NSNN tới sự phát triển kinh tế xã hội

#### **Chuyên đề 6: Quản lý tài chính ở các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (LT:4, BT:2, TL:3)**

6.1. Quản lý tài chính ở các cơ quan quản lý Nhà nước

6.2. Quản lý tài chính ở đơn vị sự nghiệp công lập

#### **Chuyên đề 7: Quản lý nợ công (LT:3, BT:0, TL:4)**

7.1. Khái niệm nợ công



- 7.2. Quan điểm nợ công
- 7.3. Các hình thức nợ công
- 7.4. Mục tiêu quản lý nợ công
- 7.5. Các nguyên tắc quản lý nợ công
- 7.6. Các công cụ quản lý nợ công

### 5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x	x	x
Vấn đáp	x	x		
Tự học	x	x	x	
TL	x		x	x
Thực hành				
Hướng dẫn				
Hoạt động nhóm	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số	
<b>Kiểm tra thường xuyên (30%)</b>					
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1 CLO2,3	30%	
2	Bài tập	Rubric bài tập	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5		
<b>Đánh giá thường xuyên (20%)</b>					
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,5		20%
<b>Thi cuối kì (50%)</b>					
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	50%	
<b>Thang điểm</b>				10	

### 7. Yêu cầu đối với người học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.



## **8. Kế hoạch tư vấn:** Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

## **9. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

## **10. Tài liệu dạy học:**

### ***Giáo trình chính***

- Bùi Tiến Hanh, Phạm Thị Hoàng Phương (2016); Giáo trình quản lý tài chính công, NXB tài chính.

### ***Tài liệu tham khảo:***

- Trương Huỳnh Thắng (2016); Tìm hiểu luật ngân sách nhà nước năm 2015/ Trương Huỳnh Thắng; NXB, Chính trị Quốc gia.

- Phan Hữu Nghị, Lê Hùng Sơn (2020), Bài giảng tài chính công, NXB, ĐHKQTĐ

## **M11. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI / COMMERCIAL BANKING MANAGEMENT**

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 8TC202
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: TCNH
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực quản trị NHTM: các dịch vụ ngân hàng hiện đại; đo lường và đánh giá hoạt động ngân hàng, đánh giá rủi ro lãi suất, phân tích và kiểm soát hoạt động cho vay, quản lý hoạt động nhận tiền gửi, đánh giá hoạt động mua bán và sáp nhập ngân hàng nhằm phát triển khả năng của người học trong việc phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định quản trị đối với các lĩnh vực hoạt động của NHTM.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Học viên nắm vững kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực quản trị hoạt động của NHTM để có thể thành thạo phân tích, đánh giá những vấn đề liên quan đến hoạt động của NHTM.

- CO2: Học viên hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá rủi ro, quản trị các hoạt động kinh doanh ngân hàng để có thể đưa ra các quyết định phù hợp với thực tiễn của đơn vị.

- CO3: Học viên có năng lực làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự nghiên cứu để giải quyết và thích ứng với hoạt động quản trị ngân hàng.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Hệ thống hoá và vận dụng được các kiến thức về quản trị ngân hàng thương mại hiện đại



- CLO2: Phân tích được nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề và ra được các quyết định quản trị ngân hàng thương mại hiện đại một cách hiệu quả.

- CLO3: Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến quản trị ngân hàng thương mại hiện đại

- CLO4: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề quản trị NHTM để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

#### **4. Nội dung học phần**

##### **Nội dung 1: Tổng quan về ngân hàng hiện đại (LT:4, BT:0, TL:2)**

- 1.1. Sự xuất hiện của ngân hàng hiện đại
- 1.2. Vai trò của ngân hàng hiện đại trong nền kinh tế
- 1.3. Chức năng cơ bản của ngân hàng hiện đại
- 1.4. Các dịch vụ của ngân hàng hiện đại
- 1.5. Ngân hàng số - Sự thay đổi mô hình trong nền tài chính hiện đại

##### **Nội dung 2: Đo lường và đánh giá hoạt động ngân hàng (LT: 4, BT: 4, TL: 2)**

- 2.1. Các báo cáo tài chính của ngân hàng
- 2.2. Xác định mục tiêu dài hạn của ngân hàng
- 2.3. Xác định và đo lường khả năng sinh lời
- 2.4. Xác định và đo lường các rủi ro trong hoạt động ngân hàng

##### **Nội dung 3: Quản trị rủi ro lãi suất (LT: 4, BT:5, TL: 2)**

- 3.1. Khái niệm rủi ro lãi suất
- 3.2. Đo lường rủi ro lãi suất
- 3.3. Khe hở nhạy cảm lãi suất
- 3.4. Sử dụng lãi suất trần, lãi suất sàn và sự kết hợp

##### **Nội dung 4: Hoạt động cho vay của ngân hàng – chính sách và quy trình (LT: 4, BT:3, TL: 2)**

- 4.1. Các loại hình cho vay của ngân hàng
- 4.2. Các yếu tố quyết định sự tăng trưởng và cơ cấu cho vay của ngân hàng
- 4.3. Phân tích tín dụng – Cơ sở hình thành một khoản cho vay tốt
- 4.4. Kiểm soát khoản vay và xử lý những khoản cho vay có vấn đề

##### **Nội dung 5: Quản lý danh mục đầu tư của ngân hàng (LT: 4, BT:3, TL: 2)**

- 5.1. Các công cụ đầu tư sẵn có đối với ngân hàng
- 5.2. Các công cụ trên thị trường tiền tệ
- 5.3. Các công cụ trên thị trường vốn
- 5.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn chứng khoán đầu tư

##### **Nội dung 6: Quản lý dịch vụ nhận tiền gửi và nguồn vốn phi tiền gửi (LT: 4, BT:3, TL: 2)**

- 6.1. Các loại hình tiền gửi ngân hàng
- 6.2. Phân tích chi phí hoạt động của các tài khoản tiền gửi
- 6.3 Định giá các dịch vụ liên quan đến tiền gửi
- 6.4 Quản lý nợ và các nguồn vốn phi tiền gửi

##### **Nội dung 7: Quản trị hoạt động sáp nhập và mua lại ngân hàng (LT: 4, BT: 4, TL: 2)**



7.1. Những động cơ đằng sau sự tăng trưởng nhanh chóng của hoạt động sáp nhập ngân hàng

7.2 Quy trình sáp nhập và mua lại ngân hàng

7.3 Lợi ích của hoạt động sáp nhập và mua lại ngân hàng

7.4 Các quy định pháp lý đối với hoạt động sáp nhập và mua lại ngân hàng

### 5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x	x	
Vấn đáp	x			X
Tự học	x	x	x	X
TL	x	x	x	X
Thực hành				
Hướng dẫn				
Hoạt động nhóm		x	x	X
Nghiên cứu tình huống		x	x	X

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (30%)</b>				
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1 CLO2,3	30%
2	Bài tập	Rubric bài tập	CLO2 CLO3 CLO4	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4	
<b>Đánh giá thường xuyên (20%)</b>				
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,4	20%
<b>Thi cuối kì (50%)</b>				
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4	50%
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi



đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

#### **8. Kế hoạch tư vấn:** Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn TCNH (phòng 306 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

#### **9. Trang thiết bị:**

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

#### **10. Tài liệu dạy học**

##### **10.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc**

- Peter S. Rose (2003), Quản trị Ngân hàng thương mại (Commercial bank management, NXB Tài Chính.

##### **10.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo**

- Nguyễn Văn Tiến (2015), Toàn tập Quản trị ngân hàng thương mại, NXB Lao động.

## **M12. PHÂN TÍCH VÀ DỰ BÁO TÀI CHÍNH/ FINANCIAL ANALYSIS AND FORECASTING**

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 8TC203
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: TCNH
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp kiến thức về dự báo và định giá doanh nghiệp một cách tiếp cận có nguyên tắc và kỹ thuật để phân tích và dự báo tình hình tài chính doanh nghiệp, xác định giá trị doanh nghiệp dựa trên hệ thống báo cáo tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để phân tích được báo cáo tài chính và cách tính toán các tỷ số tài chính, phân tích các hoạt động tài chính quan trọng trong doanh nghiệp, lập báo cáo dự báo tầm trung hạn và dài hạn; cách thức tiếp cận và phương pháp để xác định giá trị doanh nghiệp.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Học viên có thể thành thạo phân tích được báo cáo tài chính và cách tính toán các tỷ số tài chính, phân tích các hoạt động tài chính quan trọng trong doanh nghiệp, lập báo cáo dự báo tầm trung hạn và dài hạn; cách thức tiếp cận và phương pháp để xác định giá trị doanh nghiệp.

- CO2: Học viên có kỹ năng quản trị, hình thành tư duy và xây dựng được phong cách quản trị; học viên biết cách tư duy sáng tạo, tư duy phản biện.

- CO3: Học viên được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong và tinh thần trách nhiệm và thái độ tích cực

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**



- CLO1: Hệ thống hoá và vận dụng được các kiến thức về phân tích, dự báo tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp
- CLO2: Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến phân tích, dự báo tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp
- CLO3: Phân tích được nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề và ra được các quyết định liên quan đến tình hình tài chính doanh nghiệp
- CLO4: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề dự báo và xác định giá trị doanh nghiệp để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

#### 4. Nội dung học phần

##### **Nội dung 1: Tổng quan về định giá doanh nghiệp (LT: 3, BT: 0, TL: 2)**

- 1.1 Khái niệm giá trị doanh nghiệp và định giá giá trị doanh nghiệp
- 1.2 Các tiêu chuẩn về giá trị doanh nghiệp
- 1.3 Vai trò và mục đích của định giá doanh nghiệp
- 1.5 Nội dung cơ bản của định giá doanh nghiệp
- 1.6 Các nguyên tắc định giá doanh nghiệp

##### **Nội dung 2: Tổng quan về phân tích tài chính doanh nghiệp (LT: 4, BT:3, TL:0)**

- 2.1 Ý nghĩa của phân tích tài chính doanh nghiệp
- 2.2. Mục đích và yêu cầu của phân tích tài chính doanh nghiệp
- 2.3. Nội dung của phân tích tài chính doanh nghiệp
- 2.4. Phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp
- 2.5. Cơ sở giá trị và sử dụng báo cáo tài chính trong dự báo tài chính và định giá doanh nghiệp

##### **Nội dung 3: Phân tích cấu trúc tài chính (LT: 4, BT: 4, TL: 2)**

- 3.1. Ý nghĩa của phân tích cấu trúc tài chính
- 3.2 Phân tích cơ cấu nguồn vốn
- 3.3 Phân tích cơ cấu tài sản
- 3.4 Phân tích mối liên hệ giữa huy động vốn và sử dụng vốn

##### **Nội dung 4: Phân tích khả năng thanh toán và dòng tiền (LT:4; BT: 4, TL:2)**

- 4.1 Ý nghĩa của phân tích khả năng thanh toán và dòng tiền
- 4.2 Phân tích khả năng thanh toán ngắn hạn
- 4.3 Phân tích khả năng thanh toán dài hạn
- 4.4 Phân tích khả năng tạo tiền
- 4.5 Phân tích dòng tiền

##### **Nội dung 5: Phân tích khả năng sinh lời và tăng trưởng (LT: 4, BT: 4, TL: 2)**

- 5.1 Phân tích tình hình tăng trưởng
- 5.2 Phân tích hệ thống đòn bẩy
- 5.3 Phân tích khả năng sinh lời
- 5.4 Nhận diện và đánh giá rủi ro tài chính
- 5.5 Phân tích cân bằng tài chính

##### **Nội dung 6: Dự báo tài chính (LT: 4, BT: 6, TL; 0)**

- 6.1 Tổng quan về dự báo tài chính
- 6.2 Các phương pháp dự báo tài chính
- 6.3 Nội dung dự báo tài chính



#### 6.4 Quy trình dự báo tài chính

### Nội dung 7: Phương pháp định giá giá trị doanh nghiệp (LT:4, BT:6, TL; 0)

7.1 Định giá doanh nghiệp theo phương pháp chiết khấu dòng tiền

7.2 Định giá doanh nghiệp theo phương pháp chiết khấu dòng lợi nhuận thặng dư

7.3 Định giá dựa trên các tỷ số giá thị trường

7.4 Định giá theo phương pháp khác

### 5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x	x	
Vấn đáp	x			X
Tự học	x	x	x	X
TL	x	x	x	X
Thực hành	x	x	x	X
Hướng dẫn	x	x	x	X
Hoạt động nhóm		x	x	X
Nghiên cứu tình huống		x	x	X

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (30%)</b>				
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1 CLO2,3	30%
2	Bài tập	Rubric bài tập	CLO2 CLO3 CLO4	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4	
<b>Đánh giá thường xuyên (20%)</b>				
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,4	20%
<b>Thi cuối kì (50%)</b>				
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4	50%
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.



## 8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn TCNH (phòng 306 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

## 9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

## 10. Tài liệu dạy học

### 10.1. Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

TL1. Nguyễn Trọng Cơ (2022), Phân tích tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính

TL2: Cục Quản lý giá (2019), Giáo trình “ Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng, nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá”, tập 2, NXB tài chính

### 10.2. Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

TL1: TS. Lê Thị Xuân (2023), Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp, NXB Lao động

TL2: TS. Phạm Thị Thủy (2018), Báo cáo tài chính phân tích – dự báo và định giá, NXB đại học KTQD

## M13A. LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ (LEADERSHIP AND MANAGEMENT)

- Số tín chỉ: 3 (LT27, TH8, TL28)

- Mã học phần: 3QT204

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quản trị kinh doanh

- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần

*Nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu, cập nhật về lãnh đạo và quản lý đồng thời rèn luyện các kỹ năng phẩm chất thái độ về xây dựng tầm nhìn, truyền cảm hứng, tạo động lực, giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng quản lý nhân sự, quản trị nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong tổ chức.

*Năng lực đạt được:* Người học có thể vận dụng thành thạo kiến thức, kỹ năng lãnh đạo và quản lý vào trong quá trình điều hành tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0 và quá trình toàn cầu hoá.

### 2. Mục tiêu học phần

#### 2.1. Mục tiêu về kiến thức

CO1: Hiểu, phân biệt được sự khác nhau căn bản giữa lãnh đạo và quản lý; vận dụng thành thạo kiến thức về lãnh đạo và quản lý vào trong thực tiễn hoạt động điều hành của tổ chức, doanh nghiệp.

#### 2.2. Mục tiêu về kỹ năng

CO2: Xây dựng được tầm nhìn chiến lược cho tổ chức trong ngắn và dài hạn; Biết cách truyền cảm hứng và tạo động lực trong quản trị nhân sự và quản trị nhóm hiệu quả.

CO3: Thành thạo trong xác định vấn đề và ra quyết định điều hành tổ chức, doanh nghiệp hiệu quả.

CO4: Biết cách lắng nghe và giao tiếp hiệu quả; tự tin thuyết trình trước tập thể và



điều hành tổ chức cuộc họp hiệu quả.

### **2.3 Mục tiêu về thái độ**

Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề lãnh đạo và quản lý để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc. Tự tin và khoa học trong thực hiện các nhiệm vụ lãnh đạo và quản lý.

## **3. Nội dung học phần**

### **Chuyên đề 1: TỔNG QUAN VỀ LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ (LT4, TH0, TL4)**

#### **1.1. Tổng quan về lãnh đạo**

*1.1.1. Khái niệm và vai trò của lãnh đạo*

*1.1.2. Năng lực lãnh đạo*

*1.1.3. Phương pháp lãnh đạo*

*1.1.4. Phong cách lãnh đạo*

#### **1.2. Tổng quan về quản lý**

*1.2.1. Khái niệm và vai trò của quản lý*

*1.2.2. Năng lực quản lý*

*1.2.3. Phương pháp quản lý*

*1.2.4. Các cấp quản lý trong tổ chức*

#### **1.3. Lịch sử phát triển khoa học lãnh đạo và quản lý**

*1.3.1. Các quan điểm lãnh đạo*

*1.3.2. Các trường phái quản lý*

## **IV. Sự khác nhau giữa lãnh đạo và quản lý**

### **Chuyên đề 2: KIẾN THỨC LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ (LT4, TH0, TL4)**

#### **2.1. Kiến thức chung**

*2.1.1. Kiến thức về môi trường vĩ mô*

*2.1.2. Kiến thức về môi trường vi mô*

#### **2.2. Kiến thức chuyên môn**

*2.2.1. Kiến thức về quản trị nhân sự*

*2.2.2. Kiến thức về quản trị tổ chức*

#### **2.3. Phương pháp nâng cao kiến thức lãnh đạo & quản lý**

*2.3.1. Tự đánh giá năng lực kiến thức*

*2.3.2. Quá trình tự học hỏi nâng cao kiến thức*

### **Chuyên đề 3: KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO (LT8, TH0, TL10)**

#### **3.1. Kỹ năng xây dựng tầm nhìn và truyền cảm hứng**

*3.1.1. Kỹ năng xây dựng tầm nhìn*

*3.1.2. Kỹ năng truyền cảm hứng*

#### **3.2. Kỹ năng tạo động lực**

*3.2.1. Khái niệm và vai trò của tạo động lực*

*3.2.2. Các học thuyết tạo động lực*

*3.2.3. Phương pháp tạo động lực*

#### **3.3. Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình**

*3.3.1. Kỹ năng giao tiếp*

*3.3.2. Kỹ năng thuyết trình*

#### **3.4. Kỹ năng quản trị sự thay đổi và giải quyết xung đột**

*3.4.1. Kỹ năng quản trị sự thay đổi*



3.4.2. *Kỹ năng quản trị xung đột*

3.5. *Kỹ năng quản trị cảm xúc*

3.5.1. *Khái niệm và vai trò của quản trị cảm xúc*

3.5.2. *Cách thức quản trị cảm xúc*

**Chuyên đề 4: KỸ NĂNG QUẢN LÝ (LT8, TH0, TL8)**

4.1. *Kỹ năng quản lý nhân sự*

4.1.1. *Kỹ năng thu hút và giữ chân nhân tài*

4.1.2. *Kỹ năng đánh giá nhân sự*

4.1.3. *Kỹ năng quản trị nhóm làm việc*

4.1.4. *Kỹ năng quản trị thành viên cá biệt*

4.2. *Kỹ năng quản lý tổ chức*

4.2.1. *Kỹ năng xây dựng kế hoạch*

4.2.2. *Kỹ năng giải quyết vấn đề*

4.2.3. *Kỹ năng ra quyết định*

4.2.4. *Kỹ năng tổ chức cuộc họp*

**Chuyên đề 5: PHẨM CHẤT LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ (LT3, TH0, TL4)**

5.1. *Khái niệm và vai trò của phẩm chất lãnh đạo và quản lý*

5.1.1. *Khái niệm phẩm chất lãnh đạo*

5.1.2. *Vai trò của phẩm chất lãnh đạo*

5.2. *Những phẩm chất cần có để trở thành nhà lãnh đạo hiệu quả*

5.2.1. *Tự tin*

5.2.2. *Thông minh sáng tạo*

5.2.3. *Tầm nhìn*

8.1.1. *Chấp nhận rủi ro và chịu trách nhiệm*

5.3. *Những phẩm chất cần có để trở thành nhà quản lý tài giỏi*

5.3.1. *Bao quát toàn diện*

5.3.2. *Kỷ luật*

5.3.3. *Kiên nhẫn...*

5.4. *Phương pháp rèn luyện phẩm chất lãnh đạo và quản lý*

**Chuyên đề 6: THỰC HÀNH THỰC TẾ VỀ KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ (LT0, TH8, TL0)**

6.1. *Lựa chọn địa điểm học thực hành thực tế*

6.2. *Xây dựng kế hoạch chương trình thăm quan học tập thực tế*

6.3. *Chia nhóm và định hướng chủ đề cần nghiên cứu*

6.4. *Tổ chức các hoạt động thăm quan thực tế*

6.5. *Tổng kết bài học thực tiễn và viết bài thu hoạch (theo nhóm).*

**4. Yêu cầu của môn học:** Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Học phần áp dụng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình (L), thảo luận (D), thực hành theo nhóm (P), thực tế doanh nghiệp (O)

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, nếu học viên cần trao đổi các vấn đề liên quan đến học phần như: xây dựng kế hoạch học tập; tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu tham khảo; giải đáp thắc mắc liên quan đến kiến thức của học phần vui lòng gặp giảng viên tại VP bộ



môn QTKD, P303 nhà A2 vào sáng thứ 2 hàng tuần hoặc trao đổi qua điện thoại/zalo.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính, loa mic để giảng dạy và thực hành thuyết trình. Thư viện có cơ sở dữ liệu và tài liệu học tập đầy đủ phục vụ quá trình học tập và tra cứu của học viên.

### **8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá**

- Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Điểm đánh giá chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo: Trọng số 20%
- Điểm thi kết thúc: Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

### **9. Tài liệu tham dạy học**

#### **9.1. Giáo trình chính**

1. Nguyễn Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), *Giáo trình Quản lý học*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân
2. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), *Khoa học lãnh đạo*, NXB lý luận chính trị.

#### **9.2. Tài liệu tham khảo**

3. John C.Maxwell (2012), *Phát triển kỹ năng lãnh đạo* (Develop the Leader within You), NXB Lao động-Xã hội.
4. Nguyễn Bá Dương (2015), *Khoa học lãnh đạo Lý thuyết và Kỹ năng*, NXB Lý luận chính trị.

## **M13B. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC TRONG CÁC TỔ CHỨC (STRATEGIC MANAGEMENT IN ORGANIZATIONS)**

- Số tín chỉ: **3 (LT27, TH10, TL26)**
- Mã học phần: 3QT202
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: Không

### **1. Mô tả học phần**

*Nội dung học phần:* Học phần cung cấp các kiến thức về lý thuyết như: Tổng quan về chiến lược; Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của tổ chức; Phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Xây dựng chiến lược cho tổ chức; Tổ chức thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các công cụ để hỗ trợ thực hành trong việc xây dựng chiến lược của các tổ chức như ma trận SWOT, Ma trận IE-FE, Ma trận BCG, ma trận McKinsey...

*Năng lực cần đạt được:* Người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về quản trị chiến lược để đánh giá chiến lược của tổ chức; có thể xác định được các bước để xây dựng chiến lược và vận dụng các công cụ để xây dựng và lựa chọn chiến lược cho một tổ chức cụ thể đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời đại hội nhập KTQT sâu rộng.

### **2. Mục tiêu học phần**

#### **2.1 Mục tiêu về kiến thức**

- CO1: Xác định được qui trình xây dựng chiến lược
- CO2: Hiểu được các yếu tố bên trong và bên ngoài tổ chức ảnh hưởng đến việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược



CO3: Hiểu được các chiến lược mà tổ chức có thể áp dụng

## **2.2 Mục tiêu về kỹ năng**

CO4: Xác định được mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược của tổ chức và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này đến chiến lược của tổ chức

CO5: Phân tích và áp dụng được các công cụ đánh giá môi trường kinh doanh ảnh hưởng tới việc xây dựng chiến lược

CO6: Phân tích và lựa chọn các chiến lược phù hợp với đặc điểm của tổ chức

CO7: Có khả năng Tổ chức thực hiện chiến lược của tổ chức phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp

CO8: Có khả năng điều chỉnh chiến lược của tổ chức phù hợp với bối cảnh thực tế

CO9: Biết cách lắng nghe và giao tiếp hiệu quả; tự tin thuyết trình trước tập thể.

## **2.3. Mục tiêu về thái độ**

Có tinh thần ham học hỏi và khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề lãnh đạo và quản lý để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

## **3. Nội dung chi tiết học phần**

### **CHUYÊN ĐỀ 1: TỔNG QUAN VỀ CHIẾN LƯỢC VÀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC (LT5, TH0, TL6)**

#### **1.1. Bản chất của quản trị chiến lược và giá trị của nó**

*1.1.1. Khái niệm và đặc điểm Tổ chức*

*1.1.2. Khái niệm chiến lược trong tổ chức*

*1.1.3. Các qui trình quản trị chiến lược*

#### **1.2. Nhiệm vụ và Mục tiêu chiến lược kinh doanh**

*1.2.1. Xác định nhiệm vụ tổ chức*

*1.2.2. Mục tiêu chiến lược của tổ chức*

### **Chuyên đề 2: PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC (LT5, TH0, TL10)**

#### **2.1. Phân tích môi trường kinh doanh bên ngoài**

*2.1.1. Môi trường kinh tế*

*2.1.2. Môi trường công nghệ*

*2.1.3. Môi trường văn hoá*

*2.1.4. Môi trường tự nhiên*

*2.1.5. Môi trường chính phủ, luật pháp và chính trị*

*2.1.6. Môi trường toàn cầu*

#### **2.2. Phân tích môi trường ngành**

*2.2.1. Phân tích đối thủ cạnh tranh hiện tại*

*2.2.2. Phân tích cạnh tranh tiềm ẩn*

*2.2.3. Phân tích nhà cung ứng*

*2.2.4. Phân tích khách hàng*

*2.2.5. Sản phẩm thay thế*

*2.2.6. Các nhóm chiến lược trong các ngành*

#### **2.3. Phân tích đánh giá nội bộ tổ chức, xác định các điểm mạnh và yếu**

*2.3.1. Đánh giá công tác quản trị*

*2.3.2. Công tác Marketing*

*2.3.3. Thực trạng công tác tài chính, kế toán*



- 2.3.4. Công tác sản xuất và tác nghiệp
- 2.3.5. Đánh giá công tác nghiên cứu và phát triển (R&D)
- 2.3.6. Hệ thống thông tin

**Chuyên đề 3: PHÂN TÍCH VÀ LỰA CHỌN CHIẾN LƯỢC (LT8, TH10, TL0)**

- 3.1. Các kỹ thuật phân tích và định hướng chiến lược tổ chức
  - 3.1.1. Kỹ thuật phân tích Thế mạnh- Điểm yếu- Cơ hội và Nguy cơ (SWOT)
  - 3.1.2. Ma trận đánh giá yếu tố bên trong và bên (Ma trận I-E)
- 3.2. Lựa chọn chiến lược kinh doanh của tổ chức
  - 3.2.1. Các căn cứ lựa chọn chiến lược
  - 3.2.2. Phương pháp đánh giá các phương án chiến lược
  - 3.2.3. Yêu cầu khi lựa chọn chiến lược
  - 3.2.4. Các mô hình lựa chọn chiến lược kinh doanh

**Chuyên đề 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC (LT5, TH0, TL5)**

- 4.1. Thực chất và ý nghĩa của việc tổ chức thực hiện chiến lược
  - 4.1.1. Thực chất của công tác tổ chức thực hiện chiến lược
  - 4.1.2. Vai trò và ý nghĩa của tổ chức thực hiện chiến lược
  - 4.1.3. Yêu cầu
- 4.2. Nội dung triển khai thực hiện chiến lược
  - 4.2.1. Thiết lập mục tiêu hàng năm
  - 4.2.2. Đảm bảo các nguồn lực cho thực hiện chiến lược
  - 4.2.3. Xây dựng cơ cấu tổ chức gắn với việc thực hiện chiến lược
  - 4.2.4. Triển khai thực hiện chiến lược và các hoạt động điều chỉnh
  - 4.2.5. Đánh giá việc thực hiện chiến lược

**Chuyên đề 5: ĐÁNH GIÁ VÀ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC (LT4, TH0, TL5)**

- 5.1. Mục đích của kiểm tra và điều chỉnh chiến lược
  - 5.1.1. Mục đích chung của công tác kiểm tra, đánh giá chiến lược
  - 5.1.2. Vị trí của công tác kiểm tra, đánh giá
  - 5.1.3. Các yêu cầu đối với công tác kiểm tra và đánh giá chiến lược
- 5.2. Các tiêu chuẩn kiểm tra và đánh giá
  - 5.2.1. Các loại tiêu chuẩn
  - 5.2.2. Tính chất của các tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá chiến lược
- 5.3. Đánh giá và điều chỉnh chiến lược
  - 5.3.1. Quá trình đánh giá chiến lược
  - 5.3.2. Điều chỉnh chiến lược
  - 5.3.3. Cơ cấu tổ chức

**4. Yêu cầu của môn học:** Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

**5. Phương pháp giảng dạy:** Xác định những phương pháp dạy học dự kiến sẽ thực hiện Giới thiệu (I); Thuyết trình (L), thảo luận (D), thực hành theo nhóm (P).

**6. Kế hoạch tư vấn:** Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

**7. Trang thiết bị:** Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng,



máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### 8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Trọng số 30%.
- Điểm đánh giá chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo: Trọng số 20%
- Điểm thi kết thúc: Trọng số 50%.

**Thang điểm: 10**

### 9. Tài liệu tham dạy học

#### 9.1. Giáo trình chính

1. Ngô Kim Thanh (2018), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học KTQD.

#### 9.2. Tài liệu tham khảo

2. Hoàng Văn Hải (2017), *Quản trị chiến lược*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội
3. Ngô Kim Thanh (2012), *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB Đại học KTQD.

## M14A. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÁ NHÂN/PERSONAL FINANCE MANAGEMENT

- Số tín chỉ: 03 (LT:27; TL, BT:36)

- Mã học phần: 8TC204

- Bộ môn phụ trách: TCNH

- Điều kiện tiên quyết:

### 1. Mô tả học phần

Học phần này đề cập chủ yếu đến khía cạnh quản lý tài chính cá nhân và gia đình, hướng tới cung cấp các khái niệm tài chính gắn liền với các vấn đề, quyết định tài chính mà cá nhân và hộ gia đình thường xuyên đối mặt trong cuộc sống hàng ngày như: quản lý nguồn ngân quỹ, thu nhập; thuế; tiết kiệm; mua bất động sản và các tài sản giá trị cao khác, tín dụng cá nhân, bảo hiểm, đầu tư, hoạch định kế hoạch hưu trí. Thông qua nội dung học phần, học viên sẽ nắm bắt được các nguyên lý cũng như kỹ thuật, phương pháp để quản lý nguồn thu-chi hay tài sản và nghĩa vụ tài chính của cá nhân, hộ gia đình. Thêm nữa, học phần này cũng đề cập đến các trung gian tài chính trong mối quan hệ của các định chế tài chính với cá nhân, hộ gia đình, cũng như nghiên cứu về các công cụ tài chính được các cá nhân và hộ gia đình sử dụng phổ biến.

### 2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có kiến thức chuyên môn vững chắc về tài chính cá nhân và hoạch định tài chính cá nhân

- CO2: Học viên có kỹ năng phân tích, sử dụng các công cụ tài chính và phương pháp quản lý tài chính cá nhân và hộ gia đình.

- CO3: Học viên có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; quản lý và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính cá nhân và hộ gia đình.

### 3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu rõ về tài chính cá nhân, hoạch định tài chính cá nhân, quản lý tài chính cá nhân, quản lý rủi ro cá nhân.

- CLO2: Vận dụng thành thạo kiến thức đã học để lập kế hoạch tài chính cá nhân; hoạch định tài chính cá nhân và lập kế hoạch rủi ro; lập kế hoạch nghề nghiệp.

- CLO3: Phân tích chiến lược và ra quyết định tiết kiệm, tiêu dùng và đầu tư tài chính cá nhân





- CLO4: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; quản lý và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính cá nhân

#### 4. Nội dung học phần

##### **Nội dung 1: Tổng quan về tài chính cá nhân (LT: 6, TL:6)**

###### 1.1. Tổng quan tài chính cá nhân

1.1.1. Khái niệm tài chính cá nhân và hoạch định tài chính cá nhân

1.1.2. Tầm quan trọng của tài chính cá nhân

###### 1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạch định tài chính

1.2.1. Các nhân tố vi mô

1.2.1.1. Cấu trúc gia đình

1.2.1.2. Sức khỏe, độ tuổi, lựa chọn nghề nghiệp

1.2.2. Các nhân tố vĩ mô

1.2.2.1. Chu kỳ kinh doanh

1.2.2.2. Tỷ lệ việc làm và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác

###### 1.3. Quá trình hoạch định tài chính

1.3.1. Xác định mục tiêu

1.3.2. Đánh giá thực trạng

1.3.3. Đánh giá các phương án và ra quyết định

###### 1.4. Các nghề nghiệp liên quan đến hoạch định tài chính

##### **Nội dung 2: Hoạch định tài chính cá nhân (LT: 4; TL,BT: 8)**

2.1. Thu nhập – chi phí; tài sản – nợ; vốn và rủi ro

2.2. Báo cáo tài chính cá nhân

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tài chính cá nhân

2.4. Lập kế hoạch tài chính cá nhân

2.4.1. Quy trình lập kế hoạch tài chính cá nhân

2.4.2. Lập kế hoạch tài chính cá nhân và ứng dụng giá trị thời gian của tiền

trong lập kế hoạch tài chính cá nhân

2.4.3. Ngân sách tiền mặt cá nhân và các ngân sách khác

2.4.4. Thuế thu nhập cá nhân và hoạch định tài chính

2.4.5. Thuế thu nhập cá nhân tại Việt Nam

##### **Nội dung 3: Quản lý tài chính cá nhân (LT: 5; TL, BT: 6)**

3.1. Quản lý tài chính cá nhân

3.1.1. Tiền mặt

3.1.2. Các khoản tiết kiệm

3.1.3. Tín dụng cá nhân

3.1.3.1. Các sản phẩm tín dụng cá nhân

3.1.3.2. Chi phí cho các khoản vay mượn

3.2.3.3. Quy trình tín dụng cá nhân

3.2. Chiến lược tiêu dùng

3.2.1. Các khoản mua sắm tiêu dùng nhỏ

3.2.2. Các khoản mua sắm tiêu dùng lớn

3.2.3. Quyết định mua sắm bất động sản và các tài sản có giá trị cao khác

##### **Nội dung 4: Quản lý rủi ro cá nhân (LT: 4, TL, BT: 7)**

4.1. Bảo hiểm



- 4.1.1. Bảo hiểm nhân thọ
- 4.1.2. Bảo hiểm phi nhân thọ
- 4.2. Hưu trí và hoạch định di sản
- Nội dung 5: Tạo lập của cải (LT: 6; TL, BT: 7)**
- 5.1. Đầu tư
  - 5.1.1. Tổng quan đầu tư và thị trường
  - 5.1.2. Lập kế hoạch đầu tư
  - 5.1.3. Đo lường lợi nhuận và rủi ro đầu tư
  - 5.1.4. Đa dạng hóa danh mục đầu tư
- 5.2. Thực tế và tiến trình đầu tư
  - 5.2.1. Thông tin đầu tư
  - 5.2.2. Đầu tư dài hạn và ngắn hạn
  - 5.2.3. Quy tắc đạo đức và các quy định đầu tư
  - 5.2.4. Đầu tư quốc tế
- 5.3. Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu; đầu tư bất động sản và các tài sản giá trị cao khác
  - 5.3.1. Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu
  - 5.3.2. Đầu tư bất động sản và các tài sản giá trị cao khác

**Nội dung 6: Lập kế hoạch nghề nghiệp (LT: 2; TL:2 )**

- 6.1. Lựa chọn công việc/ nghề
- 6.2. Tìm kiếm việc làm
- 6.3. Rời bỏ một công việc

**5. Hình thức dạy – học**

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	X	X	X	X
Vấn đáp	X			
Tự học	X	X	X	X
TL	X	X	X	X
Thực hành		X	X	X
Hướng dẫn	X	X	X	X
Hoạt động nhóm		X	X	X
Nghiên cứu tình huống		X	X	X

**6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần**

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (30%)</b>				
1	Tự luận	Rubric tự luận	CLO1	30%
			CLO2,3	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	



			CLO3	
			CLO4	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
<b>Đánh giá thường xuyên (20%)</b>				
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,4	20%
<b>Thi cuối kì (50%)</b>				
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,	50%
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với người học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

### 8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn TCNH (phòng 306 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

### 9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### 10. Tài liệu dạy học

#### *Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)*

1. PGS.TS Đỗ Hoài Linh (2023), “Giáo trình tài chính cá nhân”, NXB ĐH KTQD.

#### *Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)*

1. Rachel Siegel and Carol Yacht, Personal Finance (2009), “Personal Finance”, The Saylor Foundation.

Đọc trực tuyến: <https://open.umn.edu/opentextbooks/textbooks/31>

## M14B. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH/FINANCIAL RISK MANAGEMENT

- Số tín chỉ: 3 (LT27, TH8, TL28)

- Mã học phần: 8TC205

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tài chính-Ngân hàng

- Điều kiện tiên quyết: Không

### 1. Mô tả học phần:



Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức về quản trị rủi ro tài chính trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và ngân hàng. Học phần trang bị cho các nhà quản trị tài chính trong các doanh nghiệp và các ngân hàng thương mại cách nhận diện, đánh giá, phân tích; đồng thời đưa ra các chiến lược quản trị các loại rủi ro tài chính gồm: Rủi ro tín dụng; Rủi ro thanh khoản; Rủi ro lãi suất; Rủi ro tỷ giá.

## **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Học viên nắm vững kiến thức về thị trường giao dịch các công cụ phái sinh, bản chất của các công cụ phái sinh và nhận diện được nguồn gốc phát sinh rủi ro tài chính trong hoạt động của doanh nghiệp và của ngân hàng thương mại.

- CO2: Học viên có thể vận dụng thành thạo các kiến thức đã học để nhận diện, phân tích rủi ro tài chính và chọn lựa chiến lược quản trị rủi ro tài chính phù hợp với tình hình và điều kiện của các doanh nghiệp và của các ngân hàng thương mại.

- CO3: Học viên có năng lực làm việc độc lập, tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự nghiên cứu để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro tài chính.

## **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Nhận biết và mô tả được các loại rủi ro cơ bản, tác động của những rủi ro này tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, của ngân hàng.

- CLO2: Phân tích và đánh giá được các loại rủi ro tài chính đối với một doanh nghiệp/ dự án/ sản phẩm tài chính

- CLO3: Đề xuất được các giải pháp khả thi, thực tiễn nhằm hạn chế và phòng ngừa rủi ro tài chính, hướng đến cải tiến quy trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp, ngân hàng.

- CLO4: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề quản trị rủi ro tài chính để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc..

## **4. Nội dung chi tiết học phần**

### **Chuyên đề 1: TỔNG QUAN VỀ RỦI RO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CÔNG CỤ QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH (LT3, TH0, TL4)**

#### **1.1. Rủi ro tài chính và phương pháp nhận diện**

1.1.1. Định nghĩa và đo lường rủi ro tài chính

1.1.2. Nhận diện rủi ro tín dụng

1.1.3. Nhận diện rủi ro thanh khoản

1.1.4. Nhận diện rủi ro lãi suất

1.1.5. Nhận diện rủi ro tỷ giá

#### **1.2. Sự xuất hiện và phát triển các công cụ quản trị rủi ro tài chính**

#### **1.3. Thị trường các sản phẩm phái sinh**

### **Chuyên đề 2: QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG (LT5, TH0, TL5)**

#### **2.1. Quan hệ giữa rủi ro tín dụng của doanh nghiệp và của ngân hàng**

#### **2.2. Quản lý rủi ro tín dụng đối với doanh nghiệp**

2.2.1 Chính sách tín dụng

2.2.2 Công cụ phòng ngừa rủi ro tín dụng doanh nghiệp

#### **2.3. Quản lý rủi ro tín dụng đối với ngân hàng**

2.3.1 Nguồn gốc phát sinh rủi ro tín dụng đối với ngân hàng



## 2.3.2 Các biện pháp quản lý rủi ro tín dụng ngân hàng

### **Chuyên đề 3: QUẢN TRỊ RỦI RO THANH KHOẢN (LT6, TH2, TL5)**

- 3.1. Quản trị thanh khoản doanh nghiệp
  - 3.1.1 Khái niệm và phân loại
  - 3.1.2 Quản trị tiền mặt và chứng khoán thanh khoản
  - 3.1.3 Đo lường thanh khoản doanh nghiệp
- 3.2. Quản trị danh mục đầu tư tài chính
  - 3.2.1 Chức năng và công cụ của đầu tư tài chính
  - 3.2.2 Các chiến lược kỳ hạn đầu tư
  - 3.2.3 Các công cụ quản lý kỳ hạn
- 3.3 Quản trị thanh khoản ngân hàng
  - 3.3.1 Các khái niệm
  - 3.3.2 Sự cần thiết quản lý thanh khoản
  - 3.3.3 Dấu hiệu và nguyên nhân của rủi ro thanh khoản
  - 3.3.4 Phương pháp đo lường rủi ro thanh khoản
  - 3.3.5 Biện pháp và các quy tắc quản lý thanh khoản

### **Chuyên đề 4: QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT (LT7, TH3, TL7)**

- 4.1. Lượng hoá rủi ro lãi suất
  - 4.1.1 Rủi ro lãi suất
  - 4.1.2 Mô hình kỳ hạn đến hạn
  - 4.1.3 Mô hình định giá lại
  - 4.1.4 Mô hình thời lượng
- 4.2. Hợp đồng lãi suất kỳ hạn
  - 4.2.1 Các hợp đồng lãi suất kỳ hạn
  - 4.2.2 Nguyên lý định giá lãi suất kỳ hạn
  - 4.2.3 Kỹ thuật kinh doanh lãi suất kỳ hạn
- 4.3. Hợp đồng lãi suất tương lai
  - 4.3.1 Niêm yết hợp đồng lãi suất tương lai
  - 4.3.2 Ứng dụng hợp đồng lãi suất tương lai với một tài sản
  - 4.3.3 Ứng dụng hợp đồng lãi suất tương lai với bảng cân đối kế toán
  - 4.3.4. Rủi ro trong kinh doanh hợp đồng lãi suất tương lai
- 4.4. Hợp đồng hoán đổi lãi suất
  - 4.4.1. Những vấn đề cơ bản về hoán đổi lãi suất và phân loại
  - 4.4.2. Rủi ro trong hoán đổi lãi suất
  - 4.4.3. Hoạt động “trần-sàn” lãi suất
  - 4.4.4. Định giá và kinh doanh hợp đồng hoán đổi lãi suất
- 4.5. Hợp đồng quyền chọn lãi suất
  - 4.5.1. Những vấn đề cơ bản về quyền chọn lãi suất
  - 4.5.2. Các nhân tố ảnh hưởng lên phí quyền chọn
  - 4.5.3. Các chiến lược quyền chọn lãi suất



4.5.4. Phòng ngừa rủi ro lãi suất hợp đồng quyền chọn

**Chuyên đề 5: QUẢN TRỊ RỦI RO TỶ GIÁ  
(LT6, TH3, TL7)**

5.1. Những vấn đề cơ bản về tỷ giá trong kinh doanh

- 5.1.1. Khái niệm và phương pháp yết tỷ giá
- 5.1.2. Phân loại tỷ giá trong kinh doanh
- 5.1.3. Tỷ giá chéo và kinh doanh tỷ giá chéo
- 5.1.4. Rủi ro tỷ giá

5.2. Hợp đồng ngoại hối kỳ hạn

- 5.2.1. Khái niệm tỷ giá kỳ hạn
- 5.2.2. Bảo hiểm rủi ro tỷ giá bằng hợp đồng kỳ hạn

5.3. Hợp đồng ngoại hối tương lai

- 5.3.1. Thị trường tiền tệ tương lai
- 5.3.2. Tỷ giá và kinh doanh của hợp đồng tương lai
- 5.3.3. Phòng ngừa rủi ro tỷ giá bằng hợp đồng tương lai

5.4. Hợp đồng hoán đổi ngoại hối

- 5.4.1. Khái niệm hoán đổi ngoại hối
- 5.4.2. Ứng dụng Swap vào bảo hiểm rủi ro tỷ giá
- 5.4.3. Hoán đổi tiền tệ

5.5. Hợp đồng quyền chọn tiền tệ

- 5.5.1. Khái niệm quyền chọn tiền tệ
- 5.5.2. Các chiến lược quyền chọn tiền tệ
- 5.5.3. Kinh doanh quyền chọn tiền tệ trên sở giao dịch

5.6. Chính sách ngoại hối quốc gia

- 5.6.1. Những vấn đề cơ bản về quản lý ngoại hối
- 5.6.2. Các hình thức quản lý ngoại hối
- 5.6.3. Nội dung quản lý ngoại hối

**5. Hình thức dạy - học**

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	x
Vấn đáp	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành			x	x	x
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

**6. Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần**

TT	Hình thức, phương pháp	Công cụ đánh giá	CDR HP	Trọng
----	------------------------	------------------	--------	-------



	kiểm tra, đánh giá		liên quan	số
<b>I</b>	<b>Kiểm tra thường xuyên (3 bài)</b>			
1	Viết cá nhân	Rubric 1: đánh giá bài thi viết	CLO1,2,3,4,5	30%
2	Thảo luận/bài tập/ làm việc nhóm/thuyết trình	Rubric 2: đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO1,2,3,4,5	
3	Vấn đáp/viết cá nhân/thuyết trình/thảo luận	Rubric 3: đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO1,2,3,4,5	
<b>II</b>	<b>Kiểm tra giữa kỳ (01)</b>			
1	Viết cá nhân	Rubric 1 đánh giá bài thi viết	CLO 1,2,3,5	20%
<b>III</b>	<b>Thi cuối kỳ (01)</b>			
1	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1,2,3,4,5	50%
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

- Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế;
- Có đầy đủ học liệu phục vụ học tập;
- Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm theo yêu cầu của giảng viên;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;
- Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

### 8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

*Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.*

### 9. Trang thiết bị:

*Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành, thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.*

### 10. Tài liệu tham dạy học:

#### ***Giáo trình chính***

- Nguyễn Văn Tiến (2018), Thị trường tài chính & Quản trị rủi ro tài chính, Nhà xuất bản Hồng Đức.

#### ***Tài liệu tham khảo***

- Nguyễn Minh Kiều (2009), Quản trị rủi ro tài chính, Nhà xuất bản Thống kê.  
 - Nguyễn Minh Kiều (2012), Quản trị rủi ro tài chính-Lý thuyết, Bài tập và Bài giải, Nhà xuất bản Tài chính.

### **M15A. CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH / FINANCIAL TECHNOLOGY**

- Số tín chỉ: 02 (LT:18, TL: 24)
- Mã học phần: 8TC206
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: TCNH
- Điều kiện tiên quyết:

#### **1. Mô tả học phần**



Học phần này giới thiệu những kiến thức cơ bản về công nghệ tài chính, các sản phẩm, dịch vụ công nghệ để có thể thực hiện phân tích, đánh giá cơ bản về các sự kiện liên quan đến lĩnh vực ngân hàng và tài chính. Học viên hiểu, trình bày được các lực đẩy về công nghệ như: tư vấn bằng robot, blockchain, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu quy mô lớn, các nền tảng số hóa tài chính; sau đó là đi sâu vào phân tích điển giải các quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính như chăm sóc, tư vấn, tăng trải nghiệm khách hàng bằng robot, số hóa các quy trình vận hành tài chính, các nền tảng tài chính số, sản phẩm và hệ sinh thái fintech, blockchain và ứng dụng trong quản lý và đầu tư tài sản; tìm kiếm thông tin và vận dụng được kiến thức cơ bản về Fintech.

## **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Học viên được trang bị kiến thức cơ bản về công nghệ tài chính, các sản phẩm công nghệ, dịch vụ trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

- CO2: Học viên hình thành các kỹ năng như phân tích các lực đẩy về công nghệ như tư vấn bằng robot, blockchain, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu quy mô lớn,...trong lĩnh vực tài chính ngân hàng

- CO3: Học viên được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong và tinh thần trách nhiệm và thái độ tích cực.

## **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Học viên hiểu được các khái niệm và các quy luật, xu hướng liên quan công nghệ tài chính; giải thích được nội dung, ý nghĩa của Blockchain, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn, các nền tảng số hóa tài chính.

- CLO2: Học viên vận dụng các kỹ năng để phân tích điển giải các quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính, giải thích được tác động của các chính sách của chính phủ đến công nghệ tài chính và các vấn đề công nghệ tài chính thực tiễn.

- CLO3: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; tự cập nhật và nâng cao kiến thức về công nghệ tài chính để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

## **4. Nội dung học phần**

### **Chương 1: Tổng quan về Công nghệ tài chính (LT: 2, TL: 2, TH: 10)**

#### **1.1 Lịch sử phát triển của công nghệ tài chính**

1.1.1 Các giai đoạn công nghệ tài chính

1.1.2 Tổng quan lịch sử công nghệ tài chính thế giới

1.1.3 Hệ sinh thái công nghệ tài chính

#### **1.2 Một số trung tâm công nghệ tài chính trên thế giới**

1.2.1 Cộng đồng tài chính mới

1.2.2 Hệ sinh thái công nghệ tài chính tích hợp Hà Lan

1.2.3 Trung tâm tài chính mới Luxembourg

1.2.4 Trung tâm tài chính và thanh toán di động Áo

1.2.5 Trung tâm công nghệ tài chính Singapore

1.2.6 Hệ sinh thái công nghệ tài chính Ấn Độ

### **Chương 2: Công nghệ tài chính trong hệ thống ngân hàng (LT: 5, TL: 7, TH: 25)**

#### **1.1 Hệ thống thanh toán**

1.1.1 Cơ sở hạ tầng hệ thống thanh toán và công nghệ chuyển tiền



- 1.1.2 Quy định và tuân thủ thanh toán
- 1.1.3 Quy chế Blockchain trên toàn thế giới

**1.2 Ví thông minh**

- 1.2.1 Giới thiệu về ví thông minh
- 1.2.2 Đặc điểm ví thông minh

**1.3 Phân tích tín nhiệm**

- 1.3.1 Cấu trúc Báo cáo kết quả kinh doanh ngân hàng
- 1.3.2 Cấu trúc Bảng cân đối kế toán của ngân hàng
- 1.3.3 Quản lý rủi ro và Hiệp định Basel
- 1.3.4 Giải quyết khủng hoảng ngân hàng

**Chương 3: Công nghệ tài chính trong quản lý đầu tư (LT: 5, TL: 7, TH: 25)**

**1.1 Quản lý tài sản và tư vấn tự động**

- 1.1.1 Giới thiệu về quản lý tài sản và tư vấn tự động
- 1.1.2 Khái niệm về quản lý tài sản và tư vấn tự động
- 1.1.3 Quản lý đầu tư thụ động với ETFs
- 1.1.4 Các thuật toán tái cân bằng danh mục đầu tư tự động
- 1.1.5 Nguyên tắc chống thất thu thuế

**1.2 Quản lý danh mục đầu tư và phân tích tự động**

- 1.2.1 Giới thiệu về quản lý danh mục đầu tư và phân tích tự động
- 1.2.2 Khái niệm về quản lý danh mục đầu tư và phân tích tự động
- 1.2.3 Thiết kế hệ thống quản lý danh mục đầu tư sử dụng các kỹ thuật tối ưu hóa toàn cầu
- 1.2.4 Phân tích tự động bằng thông tin không chắc chắn

**Chương 4: Công nghệ tài chính và ảnh hưởng xã hội (LT: 3, TL: 4, TH: 15)**

**1.1 Gọi vốn cộng đồng và P2P**

- 1.1.1 Khái niệm gọi vốn cộng đồng
- 1.1.2 Khái niệm P2P
- 1.1.3 Phân loại các mô hình

**1.2 Cho vay và phân tích tín nhiệm**

- 1.2.1 Mối quan hệ giữa cho vay và phân tích tín nhiệm
- 1.2.2 Chế độ quản lý ngân hàng

**Chương 5: Dữ liệu quy mô lớn và đổi mới công nghệ toàn cầu (LT: 3, TL: 4, TH: 15)**

**1.1 Công nghệ dữ liệu quy mô lớn**

- 1.1.1 Sự xuất hiện của Dữ liệu quy mô lớn
- 1.1.2 Đặc điểm của công nghệ Dữ liệu quy mô lớn

**1.2 Đổi mới công nghệ trong thị trường tài chính**

- 1.2.1 Công cụ đổi mới công nghệ trong thị trường tài chính
- 1.2.2 Đặc điểm của đổi mới công nghệ trong thị trường tài chính

**5. Hình thức dạy - học**

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3



Thuyết trình	X	X	X
Vấn đáp	X	X	
Tự học	X	X	X
Thảo luận	X	X	X
Thực hành		X	
Hướng dẫn	X	X	X
Hoạt động nhóm		X	X
Nghiên cứu tình huống		X	X

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (30%)</b>				
1	Tự luận	Rubric tự luận	CLO1	30%
			CLO2	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
<b>Đánh giá thường xuyên (20%)</b>				
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2	20%
<b>Thi cuối kì (50%)</b>				
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3	50%
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

### 8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi,



vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn TCNH (phòng 306C nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

### 9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### 10. Tài liệu dạy học

#### *Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)*

1. Susanne Chishti và Puschmann (2018), *The WealthTech Book: The FinTech Handbook for Investors, Entrepreneurs, and Finance Visionaries*, Nhà xuất bản Wiley.

#### *Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)*

1. Susanne Chishti và Janos Barberis (Biên soạn), Nguyễn Khắc Quốc Bảo, Trần Hoài Nam, Lê Đạt Chí (Biên dịch) (2019), *The Fintech book – Công nghệ tài chính dành cho người nhìn xa trông rộng*, Nhà xuất bản TT&TT.

## **M15B. TÀI CHÍNH VI MÔ/ MICROFINANCE**

- Số tín chỉ: 02 (LT:18, TL: 24)
- Mã học phần: 8TC207
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: TCNH
- Điều kiện tiên quyết: Tài chính – Tiền tệ

### **1. Mô tả học phần**

Học phần này giới thiệu những kiến thức cơ bản về tài chính vi mô, mô hình tổ chức, chức năng và các hoạt động của tổ chức tài chính vi mô. Học viên hiểu, trình bày được chức năng, vai trò của tài chính vi mô, các hoạt động của tổ chức tài chính vi mô như hoạt động cho vay, hoạt động huy động vốn, hoạt động bảo hiểm...; từ đó có thể vận dụng kiến thức trong thực hiện các nghiệp vụ của tổ chức tài chính vi mô. Ngoài ra, người học có thể phân tích cơ chế hoạt động, các tác động của tài chính vi mô và các tổ chức tài chính vi mô đến mục tiêu xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ các đối tượng khó khăn trong xã hội.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Học viên được trang bị kiến thức cơ bản về tài chính vi mô, mô hình tổ chức, chức năng và các hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.
- CO2: cơ chế hoạt động, các tác động của tài chính vi mô và các tổ chức tài chính vi mô đến mục tiêu xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ các đối tượng khó khăn trong xã hội.
- CO3: Học viên được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong và tinh thần trách nhiệm và thái độ tích cực.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Học viên hiểu được các khái niệm về tài chính vi mô và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; đánh giá được thực trạng hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô.
- CLO2: Học viên vận dụng các kỹ năng để phân tích, xử lý các tình huống trong hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô.
- CLO3: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; tự cập nhật và nâng cao kiến thức về tài chính vi mô để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

### **4. Nội dung học phần**



**Chương 1: Tổng quan về tài chính vi mô và tổ chức tài chính vi mô (LT: 3, BT: 0, TL: 3)**

**1.3 Những vấn đề cơ bản về tài chính vi mô**

- 1.3.1 Quá trình ra đời và phát triển của tài chính vi mô
- 1.3.2 Khái niệm, đặc điểm của tài chính vi mô
- 1.3.3 Vai trò của tài chính vi mô
- 1.3.4 Các bên liên quan trong hoạt động tài chính vi mô

**1.4 Tổ chức tài chính vi mô**

- 1.4.1 Khái niệm tổ chức tài chính vi mô
- 1.4.2 Mô hình tổ chức tài chính
- 1.4.3 Chức năng, vai trò của tổ chức tài chính vi mô
- 1.4.4 Hoạt động cơ bản của tổ chức tài chính vi mô

**Chương 2: Hoạt động cho vay của tổ chức tài chính vi mô (LT: 4, BT: 0, TL: 6)**

**1.4 Những vấn đề cơ bản về hoạt động cho vay của tổ chức tài chính vi mô**

- 1.4.1 Khái niệm, vai trò, đặc điểm
- 1.4.2 Phân loại các sản phẩm cho vay của tổ chức tài chính vi mô

**1.5 Chính sách cho vay của tổ chức tài chính vi mô**

- 1.5.1 Khái niệm, đặc điểm chính sách cho vay của tổ chức tài chính vi mô
- 1.5.2 Nội dung chính sách cho vay của tổ chức tài chính vi mô

**1.6 Quy trình cho vay của tổ chức tài chính vi mô**

- 1.6.1 Khái niệm quy trình cho vay của tổ chức tài chính vi mô
- 1.6.2 Các bước trong quy trình cho vay của tổ chức tài chính vi mô

**Chương 3: Hoạt động huy động vốn của tổ chức tài chính vi mô (LT: 4, BT: 0, TL: 6)**

**1.3 Nguồn vốn của tổ chức tài chính vi mô**

- 1.3.1 Khái niệm, vai trò, đặc điểm nguồn vốn của tổ chức tài chính vi mô
- 1.3.2 Kết cấu nguồn vốn của tổ chức tài chính vi mô

**1.4 Chính sách huy động vốn của tổ chức tài chính vi mô**

- 1.4.1 Khái niệm, đặc điểm chính sách huy động vốn của tổ chức tài chính vi mô
- 1.4.2 Nội dung chính sách huy động vốn của tổ chức tài chính vi mô

**Chương 4: Hoạt động khác của tổ chức tài chính vi mô (LT: 4, BT: 0, TL: 5)**

**1.3 Hoạt động bảo hiểm của tổ chức tài chính vi mô**

- 1.3.1 Khái niệm, đặc điểm của bảo hiểm vi mô
- 1.3.2 Các sản phẩm bảo hiểm vi mô

**1.4 Hoạt động thanh toán của tổ chức tài chính vi mô**

- 1.4.1 Khái niệm, đặc điểm thanh toán của tổ chức tài chính vi mô
- 1.4.2 Các hình thức thanh toán của tổ chức tài chính vi mô

**1.5 Hoạt động khác của tổ chức tài chính vi mô**

- 1.5.1 Hoạt động trung gian xã hội
- 1.5.2 Hoạt động phát triển doanh nghiệp
- 1.5.3 Hoạt động xã hội

**Chương 5: Phân tích kết quả hoạt động của tổ chức tài chính vi mô (LT: 3, BT: 0, TL: 4)**

**1.3 Mục đích và ý nghĩa phân tích kết quả hoạt động của tổ chức tài chính vi mô**



1.3.1 Mục đích

1.3.2 Ý nghĩa

#### 1.4 Phương pháp và thông tin phục vụ phân tích

1.4.1 Phương pháp phân tích

1.4.2 Thông tin phục vụ phân tích

#### 1.5 Nội dung phân tích

1.5.1 Phân tích chất lượng danh mục tài sản cho vay

1.5.2 Phân tích tính hiệu quả và hiệu suất

1.5.3 Phân tích tính bền vững của tổ chức tài chính vi mô

1.5.4 Phân tích khả năng sinh lời của tổ chức tài chính vi mô

1.5.5 Phân tích đòn bẩy và an toàn vốn của tổ chức tài chính vi mô

1.5.6 Phân tích chỉ số quy mô và phạm vi tiếp cận

1.5.7 Phân tích các chỉ tiêu hoạt động

### 5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần		
	CLO1	CLO2	CLO3
Thuyết trình	x	x	x
Vấn đáp	x	x	
Tự học	x	x	x
Thảo luận	x	x	x
Thực hành		x	
Hướng dẫn	x	x	x
Hoạt động nhóm		x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR-HP	Trọng số
<b>Kiểm tra thường xuyên (30%)</b>				
1	Tự luận	Rubric tự luận	CLO1	30%
			CLO2	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
<b>Đánh giá thường xuyên (20%)</b>				
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực	Rubric chuyên cần	CLO1,2	20%



	các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.			
<b>Thi cuối kì (50%)</b>				
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3	50%
<b>Thang điểm</b>				10

### 7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

### 8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn TCNH (phòng 306C nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

### 9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

### 10. Tài liệu dạy học

#### *Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)*

1. Joanna Ledgerwood (2006), *Cẩm nang hoạt động tài chính vi mô*, NXB Lao động – Xã hội.
2. Đào Văn Hùng (2005), *Phát triển hoạt động tài chính vi mô ở Việt Nam*, NXB Lao động – Xã hội.

#### *Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)*

1. Hà Văn Dương (2019), *Tài chính vi mô: Phát triển – Hiệu quả - Bền vững*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

## M16. THỰC TẬP/ INTERNSHIP

- Số tín chỉ: 6
- Mã học phần: 8TCTT1
- Bộ môn phụ trách giảng dạy, HD: TCNH
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành và đạt yêu cầu ít nhất 50% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

### 1. Mô tả học phần:

Học phần giúp học viên nâng cao và hoàn thiện kỹ năng chuyên môn, năng lực vận dụng các vấn đề lý thuyết về lĩnh vực quản trị ngân hàng thương mại, quản trị tài chính trong doanh nghiệp, quản lý tài chính công, đầu tư tài chính, thẩm định dự án đầu tư... vào thực tiễn các hoạt động đó tại các tổ chức, đơn vị thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Học phần giúp học viên trau dồi năng lực, vận dụng lý luận vào thực tiễn tại các tổ chức, đơn



vị để phân tích, đánh giá thực trạng; nhận diện các vấn đề còn hạn chế để từ đó đưa ra các giải pháp cải thiện các tồn tại, hạn chế tại đơn vị nghiên cứu.

## **2. Mục tiêu học phần:**

- CO1: Học viên tìm hiểu, phân tích và đánh giá được thực tiễn các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đơn vị kinh tế.

- CO2: Học viên vận dụng các kiến thức đã học để thực hành hoạt động quản trị trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng xác định được các vấn đề trong hoạt động quản trị tại đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp đang gặp phải và tìm cách thức giải quyết những vấn đề này.

- CO3: Học viên vận dụng thành thạo các kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, lập kế hoạch, quản trị công việc hiệu quả để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong quá trình thực tập; Hình thành được kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề quản trị trong thực tiễn

## **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Phân tích đánh giá tổng hợp về các vấn đề về lĩnh vực quản trị ngân hàng thương mại, quản trị tài chính trong doanh nghiệp, quản lý tài chính công, đầu tư tài chính, thẩm định dự án đầu tư...

- CLO2: Có năng lực nhận diện vấn đề còn hạn chế trong công tác quản trị về lĩnh vực tài chính, ngân hàng tại đơn vị

- CLO3: Có khả năng đề xuất giải pháp cải thiện các hạn chế trong công tác quản trị về lĩnh vực tài chính, ngân hàng tại đơn vị cụ thể.

- CLO4: Có năng lực làm việc khoa học, năng lực tự đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và khả năng học tập suốt đời; Có khả năng thích nghi với sự thay đổi, điều chỉnh trong bối cảnh hiện nay.

## **4. Nội dung học phần**

### **Nội dung 1: Tìm hiểu về đơn vị thực tập**

- Sơ lược về sự hình thành và phát triển của đơn vị.
- Chức năng nhiệm vụ và các lĩnh vực hoạt động của đơn vị.
- Cơ cấu Tổ chức và tình hình nhân sự của đơn vị
- Kết quả hoạt động của đơn vị

### **Nội dung 2: Nghiên cứu tài liệu liên quan đến nội dung thực tập**

Học viên tiến hành thu thập tài liệu và nghiên cứu các nội dung sau:

- Nghiên cứu về lý thuyết đã học hoặc thu thập thông qua các văn bản, tài liệu của đơn vị...

- Tìm hiểu thực trạng về sử dụng các lý thuyết gắn với các vấn đề trong thực tiễn, việc giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tế khi đang thực tập

### **Nội dung 3: Tiếp cận công việc thực tế**

- Tìm hiểu thực trạng chủ đề lựa chọn thực tập
- Thu thập thông tin sơ cấp, thứ cấp, cơ sở dữ liệu thực tế tại cơ sở thực tập thông qua việc nghiên cứu tài liệu, tiếp cận thực tế, trực tiếp làm quen với những nội dung công việc tại cơ sở thực tập, tiếp cận với kỹ năng nghề nghiệp, giải thích những vấn đề đặt ra trong quá trình nghiên cứu tài liệu và tại cơ sở thực tập.



#### Nội dung 4: Viết báo cáo kết quả thực tập

1. Xây dựng đề cương báo cáo về kết quả thực tập
2. Viết báo cáo khoa học về kết quả thực tập (theo mẫu)

#### 5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan....).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thực hành	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x
Chuyên đề	x	x	x	x

#### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
1.	Nội dung báo cáo thực tập	Rubric đánh giá thực tập (phần đánh giá hình thức báo cáo thực tập)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	80%
2.	Hình thức báo cáo thực tập	Rubric đánh giá thực tập (phần đánh giá hình thức báo cáo thực tập)	CLO4	10%
3.	Thái độ, chuyên cần (Thực hiện đúng kế hoạch Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong thực tập)	Rubric đánh giá thực tập (phần đánh giá thái độ chuyên cần)	CLO3 CLO4	10%
<b>Thang điểm</b>				10

#### 7. Yêu cầu đối với học viên

- Sau khi có Quyết định thực tập, học viên phải đến cơ sở thực tập và thực hiện theo đúng quy định, nội quy của cơ sở thực tập.

- Kết thúc thực tập, học viên viết báo cáo thực tập tốt nghiệp, có nhận xét và đánh giá của cán bộ hướng dẫn thực tập và giảng viên hướng dẫn

#### 8. Kế hoạch tư vấn:

Giảng viên hướng dẫn có trách nhiệm tư vấn và hướng dẫn học viên lập kế hoạch thực tập, tìm hiểu các tài liệu liên quan, phối hợp với cơ sở thực tập trong suốt quá trình thực tập. Giải đáp những thắc mắc và khó khăn của học viên gặp phải trong quá trình thực tập.

#### 9. Trang thiết bị

Các trang thiết bị cần thiết sẽ được đơn vị thực tập cung cấp hoặc được trường ĐHHĐ, Khoa đào tạo cung cấp, hỗ trợ (nếu phù hợp và cần thiết)

#### 10. Tài liệu tham khảo

- Các văn bản quản lý, tài liệu, giáo trình, báo cáo khoa học chuyên ngành liên quan



- Các tài liệu tại đơn vị thực tập

## **M17. ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP/GRADUATION PROJECT**

- Số tín chỉ: 09
- Mã học phần: 8TCDA1
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: TCNH
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành 70% các học phần.

### **1. Mô tả học phần**

Đề án tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của học viên, giúp đánh giá kiến thức, kỹ năng và năng lực của học viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập và khả năng ứng dụng vào thực tế. Học viên được hướng dẫn tìm hiểu hoạt động thực tiễn của các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp xác định các vấn đề quản trị trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh doanh doanh nghiệp đang gặp phải và tìm cách thức giải quyết những vấn đề này. Kết thúc học phần, học viên phải hoàn thành được đề án tốt nghiệp và thuyết trình cá nhân trước Hội đồng đánh giá đề án về thực trạng vấn đề quản trị trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh doanh doanh nghiệp mà người học đã tìm hiểu, nghiên cứu trong quá trình thực tập, đồng thời đưa ra được các giải pháp phù hợp cho các vấn đề nói trên.

### **2. Mục tiêu học phần**

- CO1: Vận dụng kiến thức chuyên môn về quản trị trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quản trị các tổ chức, đơn vị kinh tế/ doanh nghiệp.
- CO2: Phát hiện, đánh giá và đề xuất được giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề về quản trị trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và kinh doanh của doanh nghiệp.
- CO3: Hình thành được kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện trong phát hiện, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Hoàn thiện kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình, kỹ năng thu thập thông tin, lập kế hoạch và quản trị công việc.
- CO4: Hình thành tác phong làm việc khoa học; có năng lực tự đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn; Có khả năng học tập suốt đời, thích nghi với sự thay đổi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

### **3. Chuẩn đầu ra học phần**

- CLO1: Học viên phân tích, vận dụng, tổng hợp được các kiến thức đã học vào tìm hiểu, phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể cho doanh nghiệp/tổ chức.
- CLO2: Phân tích được thực trạng về lĩnh vực quản trị trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh doanh của doanh nghiệp/tổ chức.
- CLO3: Phát hiện được các vấn đề, phân tích và đề xuất giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề về lĩnh vực quản trị trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh doanh của doanh nghiệp/tổ chức.
- CLO4: Thành thạo các kỹ năng thu thập thông tin, lập kế hoạch, quản trị công việc để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong quá trình thực hiện đề án.



- CLO5: Hình thành được kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện trong phát hiện và đề xuất giải pháp, giải quyết vấn đề. Hoàn thiện kỹ năng hợp tác, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình (bằng văn bản và bằng lời nói) để đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra trong quá trình thực hiện và bảo vệ đề án.

- CLO6: Có năng lực làm việc khoa học, năng lực tự đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và khả năng học tập suốt đời; Có khả năng thích nghi với sự thay đổi, điều chỉnh trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

#### 4. Nội dung học phần

##### Giai đoạn 1: Đăng ký đề án và xây dựng đề cương

Học viên đăng ký đề án và người hướng dẫn: Học viên được nghe giới thiệu về các hướng nghiên cứu, về hồ sơ khoa học của GVHD (dự kiến) từ đó có định hướng lựa chọn hướng thực hiện đề án và giáo viên hướng dẫn phù hợp.

Học viên trao đổi và thống nhất với người hướng dẫn về hướng nghiên cứu: Trên cơ sở thực tiễn, giáo viên và học viên thống nhất lựa chọn tên đề án, cách thức triển khai đề án làm căn cứ xây dựng đề cương và nghiên cứu theo quy định của nhà trường. Hướng nghiên cứu có thể bao gồm:

- ✚ Hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp
- ✚ Phân tích tình hình tài chính tại doanh nghiệp
- ✚ Phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp
- ✚ Lợi nhuận tại doanh nghiệp
- ✚ Công tác huy động vốn tại ngân hàng
- ✚ Tín dụng đối với khách hàng tại ngân hàng
- ✚ Phát triển dịch vụ tại ngân hàng
- ✚ Quản trị rủi ro tín dụng tại ngân hàng
- ✚ Thẩm định tài chính dự án đầu tư tại ngân hàng
- ✚ Công tác quản lý thu/chi ngân sách nhà nước cấp huyện
- ✚ Công tác quản lý thu/ chi ngân sách nhà nước cấp xã trên địa bàn huyện
- ✚ Công tác quản lý thu/ chi ngân sách nhà nước tại xã/phường
- ✚ Cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị....
- ✚ Quản lý đầu tư XDCB tại đơn vị/ban quản lý dự án....
- ✚ Công tác quản lý các sắc thuế hiện hành tại Việt Nam
- ✚ Một số hướng nghiên cứu khác

STT	Nội dung	Kết quả
1	Học viên xây dựng đề cương nghiên cứu đề án	<p>Tìm hiểu tổng quan về đơn vị thực tập để xác định vấn đề cần nghiên cứu; xây dựng đề cương theo hướng nghiên cứu đã được chọn theo quy định tại mẫu 3 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức. Quyết định số 1837/QĐ-ĐHHD ngày 23/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức được ban hành kèm theo Quyết định số</p>



		297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022.
2	Bộ môn góp ý đề cương nghiên cứu	Bộ môn sẽ thành lập tổ chuyên môn góp ý và thống nhất tên, mục tiêu và nội dung nghiên cứu trong đề cương đề án của học viên.
3	Học viên hoàn thiện đề cương	Theo góp ý chuyên môn và quy định tại mẫu 3 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.
4	Hiệu trưởng ra quyết định phê duyệt tên đề án và người hướng dẫn	Quyết định tên đề tài và giáo viên hướng dẫn, thời gian thực hiện và các điều kiện liên quan.

### **Giai đoạn 2: Thực hiện đề án**

Học viên được hướng dẫn tìm hiểu thực tiễn hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp, các đơn vị kinh tế, xác định các vấn đề quản trị trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh doanh doanh nghiệp và tìm cách thức giải quyết những vấn đề này. Trong suốt quá trình thực tập, học viên làm việc dưới sự hướng dẫn của giảng viên và sự chỉ đạo, hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn tại doanh nghiệp. Kết thúc học phần, học viên phải viết được đề án tốt nghiệp và thuyết trình cá nhân trước Hội đồng đánh giá về đề án mô tả, phân tích thực trạng hoạt động lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh doanh của các đơn vị trên. Nội dung cần phải thực hiện trong quá trình nghiên cứu gồm:

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Kết quả</b>
1	Cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu: (lý luận chung; phương pháp luận nghiên cứu)	Hoàn thiện nội dung tổng quan, xác định khoảng trống của vấn đề nghiên cứu/cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu; Xác định được phương pháp nghiên cứu.
2	Tìm hiểu, phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp cho vấn đề nghiên cứu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phân tích được thực trạng vấn đề nghiên cứu</li> <li>• Phân tích được kết quả, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế liên quan đến vấn đề nghiên cứu</li> <li>• Đề xuất được các giải pháp giải quyết vấn đề nghiên cứu.</li> </ul>
3	Hoàn thiện báo cáo và báo cáo tóm tắt đề án tốt nghiệp gồm:	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Báo cáo đề án có cấu trúc 3 phần không kể mục tài liệu tham khảo và phần phụ lục theo quy định tại mẫu 3 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.</li> <li>• Báo cáo tóm tắt: có kích thước 148.5 x 210 mm (khổ A4 chia đôi, không quá 24 trang trên hai mặt giấy, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 11), phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của đề án. Số thứ tự của các hình vẽ, bảng biểu phù hợp như trong đề án.</li> </ul>
4	Viết thông tin về đề án	Thực hiện theo mẫu 9 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD



	bằng tiếng Việt và tiếng Anh	ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.
5	Đánh giá đề án tốt nghiệp và sửa hoàn thiện báo cáo đề án nộp lưu trữ đề án tại thư viện trường.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đánh giá đề án tốt nghiệp: Được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng (trực tiếp hoặc trực tuyến). Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà trường và Nhà nước.</li> <li>Sửa hoàn thiện báo cáo đề án nộp lưu trữ đề án tại thư viện Trường: Sau khi báo cáo bảo vệ xong đề án, học viên chỉnh sửa báo cáo theo kết luận của Hội đồng, hoàn thiện báo cáo đề án, nộp thực hiện báo cáo đề án theo quy định hiện hành.</li> </ul>

### 5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CDR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình						
Vấn đáp						
Tự học	x	x	x	x	x	x
TL						
Thực hành	x	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x	x	x
Hoạt động nhóm						
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x	

### 6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Kết quả/Trọng số
<b>Quá trình thực hiện đề án</b>				
1.	Hồ sơ thực hiện đề án (Kế hoạch, đề cương, báo cáo đề án)	Rubric đề án	CLO1, 2,3	Đạt yêu cầu đề xuất cho bảo vệ trước hội đồng
2.	Thái độ (sự chuyên cần; sự chuyên nghiệp, khoa học trong tiếp thu, thu thập thông tin, xây dựng nội dung, chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo)	Rubric đề án	CLO1,2,3,4,5,6	
<b>Bảo vệ đề án</b>				
1.	Nội dung đề án	Rubric đề án	CLO1,2,3,4,5,6	70%
2.	Công trình khoa học liên quan		CLO1,2,3,5,6	10%
3.	Hình thức đề án	Rubric đánh	CLO1,2,5,6	10%



		giá hình thức báo cáo đề án		
4.	Bảo vệ trước hội đồng (đánh giá về kiến thức và khả năng vận dụng kiến thức tổng hợp, kỹ năng tư duy logics và phân biện; kỹ năng giao tiếp thuyết trình, kỹ năng quản trị thời gian; kỹ năng xây dựng kế hoạch và giải quyết vấn đề)	Rubric đánh giá Kỹ năng trình bày báo cáo đề án trước hội đồng	CLO1,4,5,6	10%
<b>Thang điểm 10</b>				100%
<b>Chỉnh sửa và hoàn thiện đề án</b>				
1.	Chỉnh sửa hoàn thiện và nộp đề án theo quyết nghị của hội đồng và các góp ý của thành viên.		CLO1,2,3,4,5	Xác nhận hoàn thiện đề án theo kết luận của HĐ

### 7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tuân thủ quy định của đơn vị thực tập, tuân thủ kế hoạch làm đồ án. Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các nhiệm vụ nghiên cứu. tuân thủ các văn bản quy định của nhà trường về làm đề án tốt nghiệp. Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

### 8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình học viên nghiên cứu đề án tốt nghiệp, giảng viên hướng dẫn có trách nhiệm hướng dẫn học viên thực hiện các nhiệm vụ của đề án đạt được mục tiêu nghiên cứu đề ra. Học viên liên hệ và đặt lịch trao đổi chuyên môn với giảng viên hướng dẫn vào các ngày làm việc trong tuần tại phòng 306 nhà A2 - Văn phòng bộ môn TCNH.

Học viên phải có thái độ tác phong nghiêm túc, chuyên nghiệp, và khoa học trong thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu đã được xây dựng theo kế hoạch đúng tiến độ; các báo cáo được hoàn thiện đúng quy định, đảm bảo chất lượng; Cầu thị, lắng nghe và sẵn sàng điều chỉnh để đề án tốt nghiệp đạt kết quả cao.

### 9. Trang thiết bị

Nhà trường tạo điều kiện hồ sơ thủ tục cho học viên được liên hệ đơn vị thực tập; phòng học để trao đổi thảo luận với GVHD và các giảng viên; tài khoản để check đạo văn và truy cập vào CSDL học tập.

### 10. Tài liệu dạy học

#### ***Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)***

1. Toàn bộ giáo trình tài liệu liên quan đến học phần thuộc chủ đề được lựa chọn nghiên cứu.

2. Các báo cáo (thứ cấp) liên quan đến chủ đề và đơn vị nghiên cứu.

#### ***Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)***

1. Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức <http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/>

2. Các tài liệu liên quan đến chủ đề nghiên cứu.



3. Trường đại học Hồng Đức (2022), Các biểu mẫu 1,2,3,5,6,7,8,9,10 về thực hiện Đề án tốt nghiệp thạc sĩ theo định hướng ứng dụng, Ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức.

## **VI. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình**

- **Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia**

<https://old.ueb.edu.vn/Sub/27/newsdetail/daotaothacsi/13837/khung-chuong-trinh-dao-tao-thac-si-nganh-tcnh.htm>

- **Học viện Ngân hàng**

<https://hvn.edu.vn/bank/vi/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao-thac-si-chuyen-nganh-tai-chinh-ngan-hang-413.html>

- **Đại học Ngoại thương**

<https://sdh.ftu.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-nganh-tai-chinh-ngan-hang-theo-dinh-huong-ung-dung-2/>

- **Đại học Mở TP HCM**

<https://sdh.ou.edu.vn/pages/view/488-chuong-trinh-dao-tao-thac-si-tai-chinh-ngan-hang-nam-2021>

- **University of Exeter (Vương quốc Anh)**

[https://www.exeter.ac.uk/study/postgraduate/courses/economics/money\\_banking/?utm\\_source=google&utm\\_medium=cpc&utm\\_campaign=exe068-uebs-subjectacquisition-pgt-sub](https://www.exeter.ac.uk/study/postgraduate/courses/economics/money_banking/?utm_source=google&utm_medium=cpc&utm_campaign=exe068-uebs-subjectacquisition-pgt-sub)

- **Monash university (Úc)**

<https://handbook.monash.edu/current/courses/B6004>

## **VII. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

### **1. Chương trình đào tạo chuyên ngành thạc sĩ TCNH được áp dụng**

- Đào tạo hình thức chính quy theo định hướng ứng dụng.

- Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo quy định hiện hành của Nhà trường và Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đầu mỗi khóa học Nhà trường thông báo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

+ Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo từ 18 tháng đến 24 tháng đối với đào tạo trình độ thạc sĩ;

+ Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

### **2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện**

- Trưởng Khoa đào tạo trình độ thạc sĩ TCNH có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ TCNH. Trưởng Bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định;



- Khoa đào tạo trình độ thạc sĩ TCNH chủ trì xây dựng kế hoạch kinh phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết (nếu có) cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của chương trình đào tạo;

- Trường các Phòng, Ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch thực hành, thực tập và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

### **3. Phương pháp giảng dạy**

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của chương trình đào tạo.

### **4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá**

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá chương trình đào tạo và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

### **5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo Sau đại học). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

